

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Mã chứng khoán: TNA

Trụ sở chính: 111-121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại: +84 28 3834 8980

Fax: (028) 3834.8983

Website: thiennamgroup.vn

Email: info@thiennamgroup.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam

HỆ THỐNG TÒA NHÀ THIÊN NAM BUILDING

111 - 121 Ngô Gia Tự
Phường 2, Quận 10

80 Phạm Ngọc Thạch
Phường 6, Quận 3

29 Nguyễn Khắc Nhu
Phường Cô Giang, Quận 1

192 Ngô Gia Tự
Phường 4, Quận 10

7 - 9 Lý Thái Tổ
Phường 4, Quận 10

1-3 Ngô Gia Tự
Phường 2, Quận 10

432 Lý Thái Tổ
Phường 10, Quận 10

355-365 NGÔ GIA TỰ
Phường 3, Quận 10

451-453 Nguyễn Tri Phương
Phường 8, Quận 10

277B Cách Mạng Tháng Tám
Phường 12, Quận 10



MỤC LỤC



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU

THIÊN NAM

THÔNG TIN CHUNG **7**

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý
- Công ty con, công ty liên kết
- Chiến lược phát triển
- Các rủi ro

Tổ chức, nhân sự **27**

- Hội đồng quản trị
- Ban điều hành
- Những thay đổi về nhân sự
- Tình hình nhân sự và các chính sách liên quan đến người lao động

Tình hình hoạt động kinh doanh **37**

- Thị trường
- Tình hình tài chính
- Tình hình cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc **55**

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- Đánh giá tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu hoạt động kinh doanh, tổ chức
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo của hội đồng quản trị **67**

- Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020
- Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với hoạt động kinh doanh
- Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Báo cáo phát triển bền vững **73**

- Môi trường xanh – sạch, nền tảng của phát triển bền vững
- Con người – Giá trị văn hóa cốt lõi
- Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

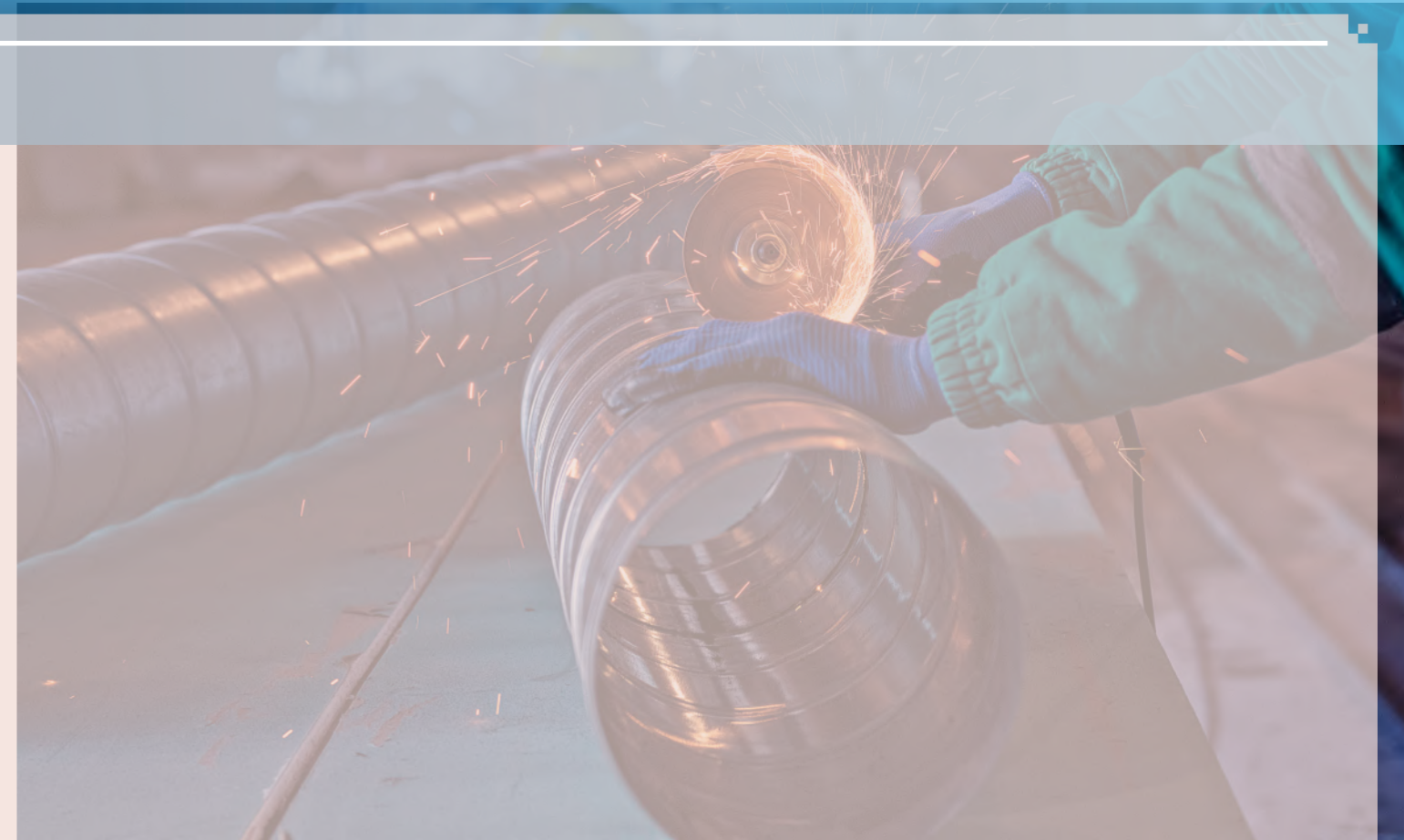
Quản trị công ty **79**

- Hội đồng quản trị
- Ủy ban Kiểm toán
- Giao dịch và thù lao

Báo cáo tài chính hợp nhất **85**

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNG TIN CHUNG



Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty con, công ty liên kết

Chiến lược phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	0301172041
Vốn điều lệ	397.308.840.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tại ngày 31/12/2020)	565.710.139.187 đồng
Trụ sở chính	111-121 Ngô Gia Tự, P.2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(028) 3834.8980
Số fax	(028) 3834.8983
Website	www.thiennamgroup.vn
Mã cổ phiếu	TNA

LOGO CÔNG TY



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH LẬP

2000

Công ty TM DV XNK Quận 10 (TENIMEX) chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên gọi mới là Công ty CP TM – XNK Thiên Nam vào ngày 01 tháng 11. Đây là doanh nghiệp thương mại dịch vụ cấp Quận đầu tiên của Tp. Hồ Chí Minh thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

NIÊM YẾT

2005

Công ty CP TM XNK Thiên Nam chính thức niêm yết 1,3 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) – với mã chứng khoán là TNA vào ngày 20 tháng 07. Vốn điều lệ 13 tỷ đồng.

CÁC CỘT MỐC SỰ KIỆN

2006 - 2010

- Hoàn thiện bộ máy điều hành cấp cao, Thiên Nam xác định chọn ngành hàng chủ lực là kinh doanh sắt thép để tập trung đầu tư phát triển thành ngành lõi trong chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Phát hành thành công 2 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 33 tỷ đồng.
- Lần đầu tiên doanh thu của Công ty vượt trên 700 tỷ đồng, được Việt Nam Report và báo điện tử Vietnamnet bình chọn là một trong 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam trong năm 2008 (Top VNR500).
- Thành lập Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam (TNF) do Công ty CP TM -XNK Thiên Nam sở hữu 80% vốn điều lệ.
- Thành lập Cửa hàng kinh doanh Sắt thép Thiên Nam để chủ động bám sát thị trường, huấn luyện đội ngũ, định vị thế của Thiên Nam trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và kinh doanh nội địa ngành hàng sắt thép
- Cao ốc văn phòng Thiên Nam tại số 111-121 Ngô Gia Tự và khu căn hộ cao cấp Thiên Nam hoàn thành được đưa vào khai thác.

2011 - 2016

- TTKDST Long An được thành lập, nâng tầm Thiên Nam trong lĩnh vực kinh doanh sắt thép tại thị trường phía Nam
- Thành lập TT KDST Bình Chánh nhằm mở rộng thị trường bán lẻ.
- Khánh thành Tòa nhà Trung tâm Thương mại và Văn phòng tại số 277B Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, Quận 10.
- Năm 2015: Chuyển đổi cơ cấu tổ chức ngành sắt thép – hình thành Khối tự doanh sắt thép và gia công bán thành phẩm phục vụ nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Cuối tháng 12 năm 2015: Thực hiện thoái hết vốn nhà nước của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV (với tỷ lệ 20,68 % trên vốn điều lệ).
- Năm 2016: Phát hành 2.104.777 cổ phiếu thường, tăng vốn điều lệ lên 101.047.770.000 đồng. Kết quả kinh doanh vượt bậc: Doanh thu vượt trên 3.000 tỷ đồng, LN vượt trên 100 tỷ đồng.
- 01/07/2016: Điều chỉnh tỷ lệ vốn góp tại Công ty TNHH CNP Thiên Nam (CCTN): Thiên Nam sở hữu 70% vốn điều lệ.

2017 - 2020

- Phát hành 2.487.390 cổ phiếu thường, tăng vốn điều lệ lên 125.921.670.000 đồng.
- Thành lập công ty Đầu tư giáo dục Thiên Nam, tăng vốn điều lệ lên 301.272.960.000 đồng.
- Tăng vốn điều lệ lên : 345.940.600.000 đồng.
- Thành lập công ty CP Nahaviwel, Thành lập TT KDST Bình Tân.
- Tăng vốn điều lệ lên : 397.308.840.000 đồng.

SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT

2020

- Thay đổi Logo mới, nhận diện thương hiệu Thiên Nam Group



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

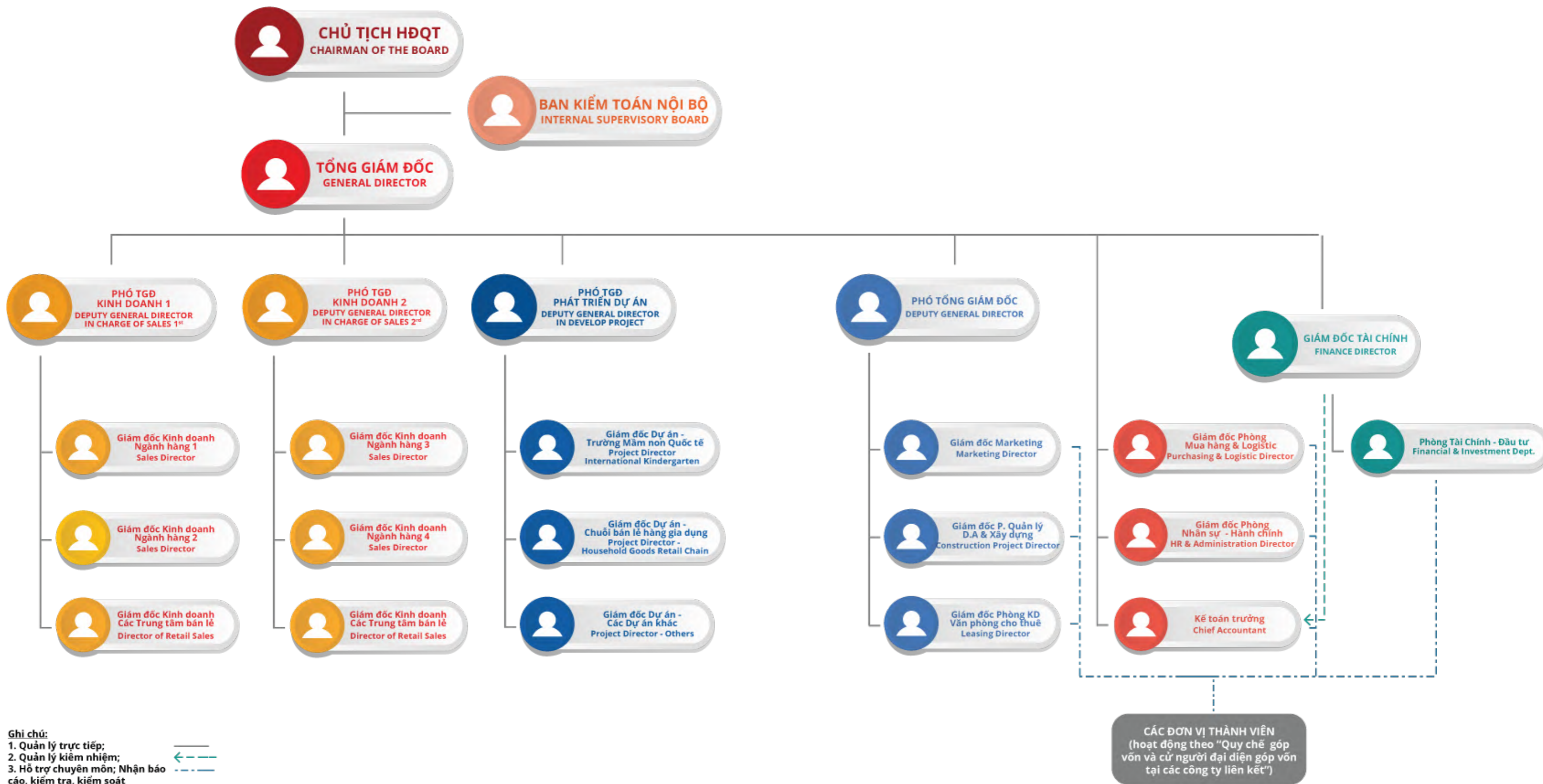
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Mua bán sắt thép – vật liệu hàn
- Kinh doanh bất động sản
- Giáo dục
- Công nghệ thực phẩm
- Điện máy

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thành phố Hồ Chí Minh

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON

1

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ PHẨM THIÊN NAM



- Địa chỉ: Lầu 7, số 111-121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp.HCM
- Lĩnh vực kinh doanh: Buôn bán, kinh doanh các mặt hàng công nghệ thực phẩm
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng (15 tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của Thiên Nam Group tại công ty thành viên là: 51% vốn điều lệ

2

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KINH DOANH THƯƠNG MẠI SÀI GÒN 168



- Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, 111 - 112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp.HCM
- Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, Phân phối sỉ ngành hàng điện máy
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng (200 tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của Thiên Nam Group tại công ty thành viên là: 93,75% vốn điều lệ

3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIÁO DỤC THIÊN NAM



- Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, 111 - 112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp.HCM
- Lĩnh vực kinh doanh: Phát triển dịch vụ liên quan đến giáo dục
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng (80 tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của Thiên Nam Group tại công ty thành viên là: 68% vốn điều lệ

4

CÔNG TY CỔ PHẦN NAHAVIWEL



- Địa chỉ: Lô II-3, đường số 1, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM
- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất que hàn điện, dây hàn, vật liệu hàn, Bán buôn các loại máy móc, thiết bị và phụ tùng công nghiệp
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (20 tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của Thiên Nam Group tại công ty thành viên là: 65% vốn điều lệ

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN

- Thiên Nam Group đặt mục tiêu trở thành một tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề hàng đầu Việt Nam với 5 lĩnh vực chủ lực:
 - + Kinh doanh sắt thép - vật liệu hàn;
 - + Phân phối thực phẩm ngoại nhập;
 - + Kinh doanh bất động sản;
 - + Kinh doanh điện máy;
 - + Đầu tư Giáo dục.
- Ngoài ra, Thiên Nam luôn hướng đến để trở thành Doanh nghiệp nhận được nhiều sự tín nhiệm của mọi khách hàng, nhà đầu tư và đối tác, xây dựng hình ảnh một Tập đoàn mạnh mẽ, luôn sẵn sàng giữa không trung để vươn lên cao, vững vàng vượt lên mọi thử thách để ngày càng phát triển và đạt được nhiều thành tựu mới.



Kiến tạo thành công, đồng hành phát triển”

SỨ MỆNH

- Với khách hàng: Cung cấp sản phẩm và dịch vụ tốt nhất với giá cả phù hợp, mang lại sự yên tâm cho khách hàng.
- Với Đối tác trong và ngoài nước: Là đối tác có trách nhiệm và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, mang các giá trị sản phẩm và dịch vụ đi vào xây dựng cuộc sống ngày càng vững bền và tươi đẹp hơn.
- Với các Đồng nghiệp: Luôn tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển và sáng tạo của nhân viên, đề cao tinh thần đoàn kết và chịu trách nhiệm trước mọi hành động của mình.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

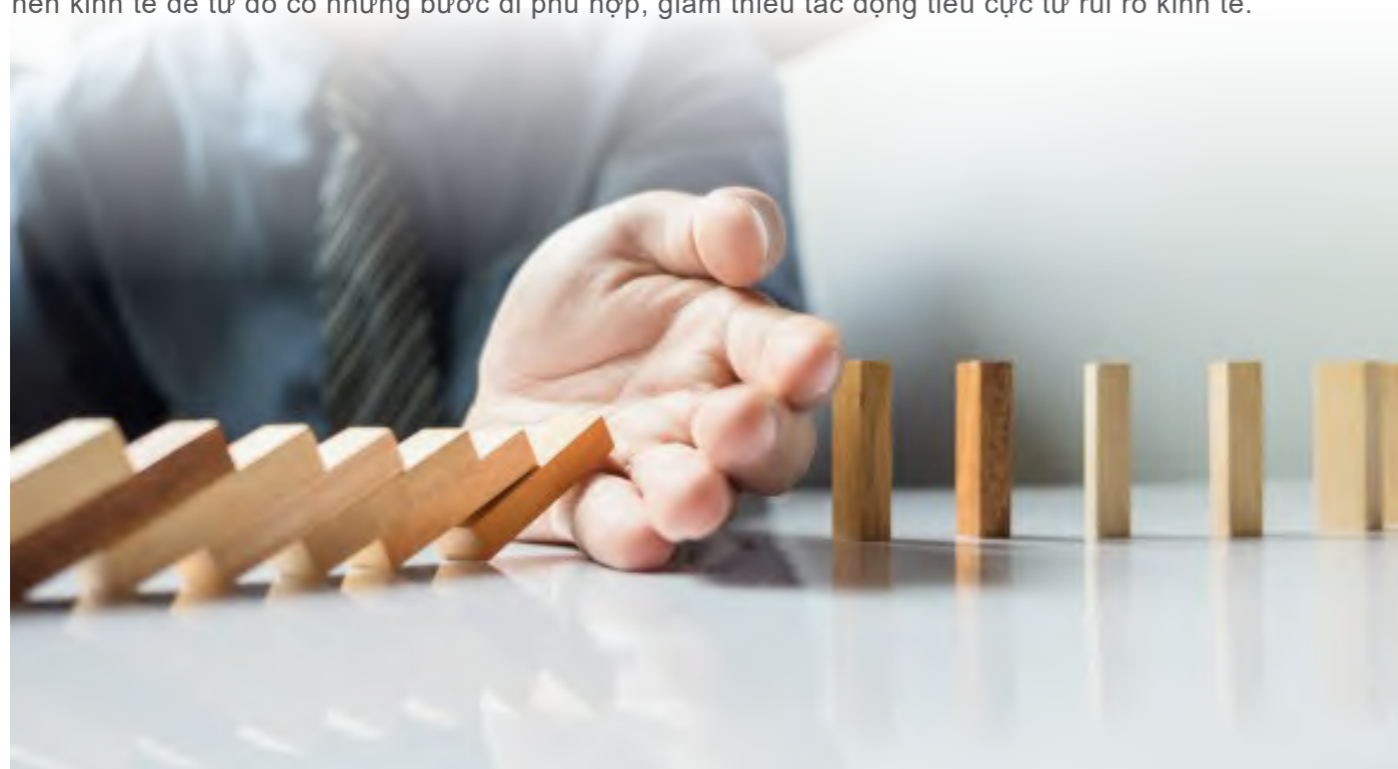
Thiên Nam Group chinh phục đỉnh cao, luôn duy trì, phát huy những giá trị cốt lõi

- Chính trực: “Trung thực, Liêm chính, Ngay thẳng” trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.
- Công bằng: có trách nhiệm hành xử Công bằng với: Nhân Viên; Khách Hàng; Nhà Cung Cấp; Các bên hữu quan.
- Sáng tạo: tiên phong trong sáng tạo, luôn hướng tới Chân – Thiện – Mỹ là nền tảng của sự phát triển bền vững của TNA bằng chính: tư duy; hành động.
- Thử thách: sẵn sàng thử thách, thử thách là cơ hội của động lực phát triển & thành công

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Tăng trưởng GDP

Đại dịch Covid-19 đã tác động nghiêm trọng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2020. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 của thế giới -4,4%. Tuy nhiên, Việt Nam là một trong số ít các quốc gia trên thế giới và là quốc gia duy nhất trong khu vực ASEAN đạt tăng trưởng dương. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam năm 2020 tăng trưởng 2,91% so với năm 2019. Đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến thu nhập, chi tiêu và đầu tư của hộ gia đình cũng như doanh nghiệp. Từ đó làm suy giảm lực cầu của nhóm ngành bất động sản, xây dựng, đây là nhóm ngành sử dụng nhiều sắt thép, dẫn đến hệ quả trong sáu tháng đầu năm 2020, nhu cầu sắt - thép tại thị trường Việt Nam suy giảm. Chính phủ Việt Nam đã tìm cách thúc đẩy kinh tế thông qua các chính sách tài khóa và tài chính mở rộng. Trong đó, Chính phủ đẩy mạnh gia tăng đầu tư công, giải ngân vốn xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm đưa nền kinh tế thoát khỏi suy thoái do Đại dịch Covid-19 gây ra, làm cho nhu cầu nguyên vật liệu xây dựng trong nước đã tăng trở lại vào nửa cuối năm 2020 và sẽ còn có khả năng tăng trong thời gian tới. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh vẫn có thể tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến kinh tế thế giới và Việt Nam. Doanh nghiệp cần phải liên tục cập nhật những biến động mới nhất của nền kinh tế để từ đó có những bước đi phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực từ rủi ro kinh tế.

**Rủi ro về tỷ giá**

Công ty sử dụng đồng Đô la Mỹ cho các hoạt động giao dịch xuất nhập khẩu. Vì vậy những biến động của cặp tỷ giá USD/VND là một rủi ro quan trọng mà Công ty cần phải đề phòng. Trong khoảng 02 tháng đầu năm 2020 biến động khá ít, chủ yếu quanh mức 23.200 VND/USD. Bước sang tháng 03 tỷ giá tăng mạnh và đạt đỉnh tại mức 23.750 VND/USD, nguyên nhân chủ yếu là do tỷ giá USD đã phục hồi sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cho biết họ sẽ bơm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng đang gặp nhiều dấu hiệu căng thẳng. Sau đó tỷ giá USD có chiều hướng sụt giảm về mức 22.996 VND/USD vào ngày 04/06 trước khi dao động ổn định trong biên 23.000 – 23.300 cho đến cuối năm. Ngày 16/12/2020, Bộ Tài chính Mỹ đã đưa Việt Nam vào danh sách các quốc gia thao túng tiền tệ, điều này có thể ảnh hưởng đến cán cân thanh toán giữa hai nước trong tương lai. Bên cạnh đó, tân tổng thống Mỹ: Joe Biden có thể sẽ tiếp tục chính sách bảo hộ sản xuất nội địa. Do đó, một số ngành xuất khẩu của Việt Nam sẽ chịu tác động nhất định vì Mỹ sẽ sử dụng cáo buộc thao túng tiền tệ làm cơ sở để bảo hộ cho các ngành của họ.

Trong năm 2021, đồng USD sẽ có nhiều biến động do diễn biến phức tạp của các sự kiện chính trị trên thế giới và chính sách tài chính mở rộng chưa từng có của Mỹ trong lịch sử nên Công ty cần phải liên tục theo dõi các biến động về tỷ giá để đưa ra những hướng đi có lợi nhất cho Công ty.

Rủi ro về lãi suất

Trong năm 2020, lãi suất huy động vốn ở Việt Nam giảm mạnh, phổ biến từ 3 - 5%/năm đối với khoản tiền gửi ngắn hạn. Tuy nhiên, lãi suất cho vay ở Việt Nam giảm chậm và vẫn ở mức cao 7 - 10%/năm. Trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn và điều kiện kinh doanh chưa mấy được cải thiện, các ngân hàng vẫn còn e ngại rủi ro tín dụng, điều này đặt ra những thách thức và khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn vay để hoạt động kinh doanh.

Đối với riêng Thiên Nam Group, trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty có đến hơn 72,81% là vay tài chính. Do đó, các biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Vì thế, Công ty cần phải liên tục theo dõi những biến động của lãi suất cho vay để từ đó kịp thời đưa ra những điều chỉnh về cơ cấu nguồn vốn, giảm thiểu tối đa những tác động từ rủi ro về lãi suất.

CÁC RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro cạnh tranh

Ngành kinh doanh sắt – thép:

Hiện nay, có thể thấy ngành thép Việt Nam đang phải đối mặt với tình hình cạnh tranh gay gắt trong ngành, không chỉ từ nội bộ trong nước mà còn cả áp lực từ nguồn nhập khẩu nước ngoài, đặc biệt là nguồn thép giá rẻ được nhập khẩu từ Trung Quốc. Cạnh tranh trong ngành tăng cao cũng đồng nghĩa với việc Công ty sẽ phải đưa ra những chiến lược kinh doanh mới, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh thương hiệu. Để tồn tại



và tiếp tục phát triển, Thiên Nam Group đã chủ động xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh như: nâng cao chất lượng quản trị và chất lượng điều hành, qua đó cắt giảm bớt những chi phí không cần thiết.



Ngành kinh doanh bất động sản:

Việt Nam là nước có dân số đông và đang trong quá trình phát triển hội nhập, do vậy nhu cầu về nhà ở và cơ sở hạ tầng ngày một lớn. Đây là những yếu tố tạo cơ hội cho sự phát triển của các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản.

Bên cạnh các doanh nghiệp trong nước, còn có sự gia tăng áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt đến từ các tổ chức nước ngoài có tiềm lực về tài chính, công nghệ và nhân lực sau khi mạng lưới các Hiệp định thương mại tự do (FTA) có hiệu lực tại Việt Nam. Sự cạnh tranh gay gắt giữa các chủ đầu tư, các doanh nghiệp bất động sản có thể dẫn đến tình trạng nguồn cung bất động sản quá lớn, cạnh tranh về giá, giá vật liệu thô và nhân công tăng.

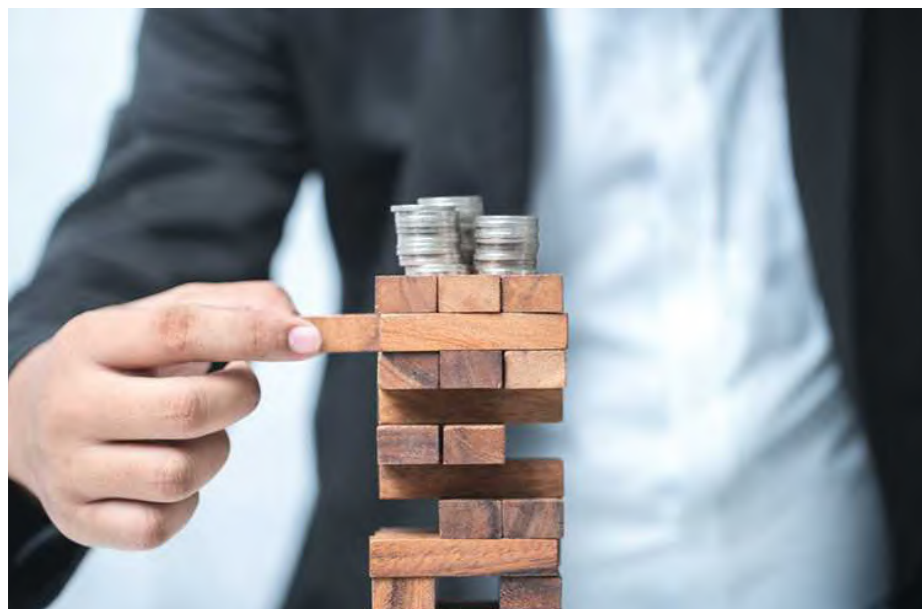
Công ty luôn cảnh trọng với rủi ro cạnh tranh bằng việc thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường, cập nhật những thay đổi về nhu cầu và thị hiếu của khách hàng, đồng thời không ngừng đổi mới công nghệ, chất lượng phục vụ để xứng đáng với niềm tin của khách hàng.



CÁC RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản



Với chính sách bán hàng trả chậm để duy trì khách hàng, dòng tiền từ việc bán hàng của Công ty được thu về theo nhiều kỳ, dẫn đến việc dòng tiền về muộn hoặc tệ hơn là khách hàng mất khả năng chi trả, nợ quá hạn dần trở thành nợ xấu. Đây là những rủi ro vô cùng quan trọng mà Công ty cần phải đề phòng để không bị

mất tính thanh khoản. Để giảm thiểu tác động tiêu cực của rủi ro thanh khoản, Thiên Nam Group đã chủ động thực hiện theo dõi định kỳ các khoản phải thu, đối tượng phải thu, loại tiền tệ phải thu sau đó tiến hành phân loại các khoản nợ thành: các khoản có thể trả đúng hạn và các khoản khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, từ đó xác định số tiền trích lập dự phòng để đảm bảo hoạt động kinh doanh được diễn ra suôn sẻ.

Rủi ro biến động giá đầu vào và đầu ra

Đặc thù của ngành thương mại thép là giá nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng rất cao trong cơ cấu giá vốn hàng bán. Với những sản phẩm thép của Thiên Nam Group, giá vốn hàng bán đã chiếm đến hơn 95,60% doanh thu. Do đó, khi giá nguyên vật liệu đầu vào chỉ cần biến động nhỏ cũng sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty cần phải liên tục theo dõi những biến động mới nhất, từ đó đưa ra những kế hoạch hoạt động phù hợp với từng thời kỳ, ổn định được nguồn cung và cầu.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Trong năm 2021, hành lang pháp lý Việt Nam ngày càng được hoàn thiện và chặt chẽ hơn với nhiều văn bản pháp luật mới được ban hành. Trong đó phải kể đến đó là Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (có hiệu lực vào ngày 01/01/2021), và Luật Chứng khoán ngày 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (có hiệu lực vào ngày 01/01/2021) kèm các nghị định và thông tư hướng dẫn Luật Chứng khoán. Là một công ty cổ phần đại chúng và có cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE, việc ban hành các văn bản pháp luật ít nhiều ảnh hưởng đến Thiên Nam Group trong quá trình hoạt động. Vì vậy, Công ty cần liên tục cập nhật các văn bản pháp luật trên, đảm bảo các hoạt động của Công ty được thông suốt và đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

Hơn nữa, trong những năm gần đây, việc xuất khẩu thép của nước ta luôn vướng phải các rắc rối với các cuộc điều tra chống bán phá giá, đỉnh điểm là tháng 12/2019, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) áp mức thuế lên đến 456% đối với những lô hàng thép xuất khẩu từ Việt Nam không chứng minh được xuất xứ của nguyên liệu, điều này đã làm các cho các doanh nghiệp sản xuất thép ở Việt Nam bị hạn chế việc xuất khẩu sản phẩm, dẫn đến tồn đọng và phải bán ra trong nước, gây mất cân đối cung cầu (cung nhiều hơn cầu) và gây áp lực không nhỏ lên giá thép trong nước. Đây là khó khăn chung của toàn ngành thép nước ta nên trong thời gian tới, Thiên Nam Group phải thường xuyên theo dõi, cập nhật những tin tức mới nhất của ngành thép thế giới và những khuyến cáo, chính sách của Cục Phòng vệ thương mại (thuộc Bộ Công Thương).

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hỏa hoạn, bão lụt, các thiên tai khác... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch và mở các lớp huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên cũng như người dân,... nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ



Hội đồng quản trị

Ban điều hành

Những thay đổi về nhân sự

Tình hình nhân sự và các chính sách liên quan đến người lao động

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Quang Hòa
- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh	1968
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học thể dục thể thao
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần TMDV Thiên Nam Hòa; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Phát triển KD TMSG 168; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu Tư Giáo Dục Thiên Nam; Chủ tịch Hội đồng quản trị & Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nahaviwel; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam.
Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay	6.260.143 cổ phần - chiếm 15,7% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan	9.900.504 cổ phần - chiếm 24,9% vốn điều lệ



Ông Vương Quang Diệu
- Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh	1965
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Kinh tế - Kế toán
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay	1.285.178 cổ phần - chiếm 3,2% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan	9 cổ phần - chiếm tỷ lệ - 0,00002% vốn điều lệ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch	Không điều hành
2	Vương Quang Diệu	Thành viên	Điều hành
3	Hồ Văn Tuyên	Thành viên	Độc lập không điều hành
4	Trần Thị Minh Trang	Thành viên	Không điều hành
5	Trần Duy Kiều	Thành viên	Không điều hành



Ông Hồ Văn Tuyên
- Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh	1972
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> Cử nhân Kinh tế trường Đại học Kinh tế TP.HCM; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Gloucestershire - UK; Tiến sĩ Quản trị Kinh Doanh (DBA) International American University - US; Thạc sĩ Tài chính và Giám đốc tài chính - Chương trình mini MBA-AAFM.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Ủy Ban kiểm toán nội bộ
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Đầu tư RIM Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rạng Đông Holdings
Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan	Không có

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Bà Trần Thị Minh Trang
- Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh	1970
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> Tốt nghiệp Đại học San Jose State University, California (Bachelor of Science) - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh - hệ thống thông tin; Tốt nghiệp trường Mission College Santa Clara California USA.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan	Không có



Bà Trần Duy Kiều
- Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh	1981
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> Thạc sĩ quản trị kinh doanh tại trường PGSM, Pháp; Cử nhân Kế toán, kiểm toán tại trường Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển KD TMSG 168
Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan	Không có

BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Vương Quang Diệu	Tổng giám đốc	-
2	Vương Quang Hào	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm 03/07/2020
3	Nguyễn Minh Thư	Phó Tổng giám đốc	-
4	Phạm Viết Đạt	Kế toán trưởng	-

Thông tin Ông Vương Quang Diệu: Xem tại Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị



Ông Nguyễn Minh Thư
- Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh	1974
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Tổng giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển KD TMSG 168
Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan	Không có



Ông Phạm Viết Đạt
- Kế toán trưởng

Ngày sinh	1974
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngành Tài chính Doanh Nghiệp
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan	Không có

NHỮNG THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ

Trong năm 2020, Thiên Nam Group có 01 sự thay đổi về nhân sự trong Ban Điều hành, như sau: miễn nhiệm Ông Vương Quang Hào - Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh.



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình nhân sự và thu nhập bình quân của người lao động

Cơ cấu người lao động tại ngày 31/12/2020

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	76	100,00%
1	Trình độ trên đại học	4	5,26%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	50	65,79%
3	Trình độ trung cấp	4	5,26%
4	Công nhân kỹ thuật	5	6,58%
5	Lao động phổ thông	13	17,11%
II	Theo loại hợp đồng lao động	76	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	38	50,00%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	9	11,84%
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	29	38,16%
III	Theo giới tính	76	100,00%
1	Nam	52	68,42%
2	Nữ	24	31,58%

Thu nhập bình quân qua các năm

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2019	92	16.825.858
2	2020	92	23.454.220

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG (tiếp theo)

Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Xây dựng hệ thống thang bậc lương, chính sách thưởng và phúc lợi. Hệ thống này là cơ sở đánh giá năng lực vị trí dựa trên nguyên tắc công bằng, công khai và tiến đến hoàn chỉnh các chính sách đãi ngộ phù hợp.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

- Xây dựng cơ cấu nhân sự hợp lý trong quản trị và vận hành bộ máy công ty.
- Xây dựng mô hình quản trị hiệu quả, phân công trách nhiệm rõ ràng, có sự phối hợp đồng bộ của các Phòng, Ban chức năng để nâng cao tính chuyên môn, khả năng phân tích của các chuyên viên để cùng nhau thực hiện chức năng nhiệm vụ cốt lõi của công ty là phát triển dự án hiệu quả, đúng tiến độ.
- Tiếp tục làm tốt công tác cơ cấu nguồn lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển tổ chức.
- Xây dựng và phát huy môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, mang bản sắc văn hóa riêng.
- Xây dựng hệ thống công cụ quản trị, mô hình đánh giá hiệu quả công việc từng nhân viên và Phòng ban trên cơ sở lượng hoá được khối lượng công việc được giao, kết quả mang lại nhằm nâng cao hiệu quả làm việc và tiết kiệm chi phí.



Tình hình hoạt động trong năm



Thị trường

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

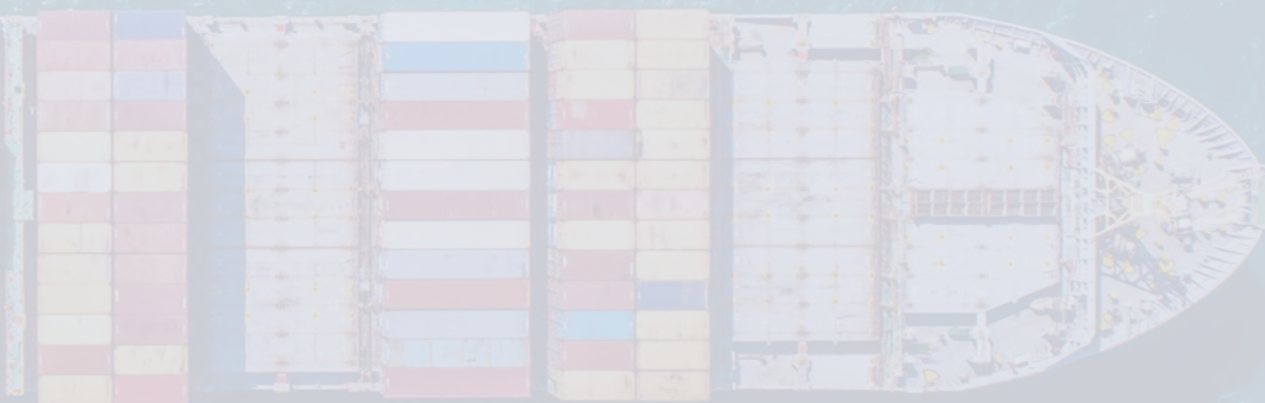
THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI

Năm 2020 là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế toàn cầu. Đại dịch Covid-19 bùng phát đã làm thay đổi hầu hết các kịch bản kinh tế của các quốc gia trên thế giới, cũng như đảo lộn các dự báo triển vọng về ngành thép.

Đại dịch Covid-19 trong đầu năm nay đã làm giảm nhu cầu ở hầu hết các thị trường. Các quốc gia rơi vào tình trạng đóng cửa, sản xuất thép trì trệ. Tiếp sau đó là sự mất cân đối giữa cung và cầu thép.

- Trong các tháng đầu năm 2020, dịch Covid-19 đã khiến Brazil, quốc gia xuất khẩu quặng sắt hàng đầu thế giới phải đóng cửa các mỏ quặng lớn, dẫn đến nguồn cung quặng sắt toàn cầu đột ngột giảm mạnh. Điều này đã khiến giá quặng sắt thị trường thế giới và hàng hóa thay thế là thép phế tăng một cách nhanh chóng.
- Kể từ cuối tháng 6/2020 đến hết năm, nhu cầu thúc đẩy đầu tư xây dựng từ Chính phủ Trung Quốc đã khiến quốc gia này tăng nhanh nhu cầu các sản phẩm thép. Theo Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin Trung Quốc (MIIT), nhập khẩu thép của Trung Quốc lũy kế 10 tháng đầu năm 2020 tăng 73,9% so với cùng kỳ năm trước, lên hơn 17 triệu tấn. Trong khi đó, xuất khẩu thép của Trung Quốc lũy kế 10 tháng đầu năm 2020 giảm 19,3% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 44,4 triệu tấn. Điều này cũng đã tác động tăng giá đến hầu hết các sản phẩm thép trong khu vực các nước Châu Á.
- Đến thời điểm đầu tháng 12/2020 giá quặng sắt 62% và thép phế tại Đông Á lần lượt ở mức 137 USD/tấn và 380 USD/tấn, tăng 46% và 28% so với thời điểm đầu năm.

Giá sắt, thép toàn cầu đã kết thúc một năm bất thường ở mức cao và phần lớn đà tăng có khả năng tiếp tục kéo dài đến nửa đầu năm 2021. Trong 6 tháng đầu năm 2021 trước nhu cầu thép tại Trung Quốc, Ấn Độ, Châu Âu và Mỹ được kỳ vọng tiếp tục ở mức cao nhờ hoạt động đầu tư phát triển từ Chính phủ và nhu cầu bất động sản tăng cao nhờ duy trì lãi suất thấp, giá bán các sản phẩm thép tại các kỳ hạn hợp đồng tương lai vẫn chưa cho thấy các tín hiệu hạ nhiệt trong ngắn hạn.



THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG THÉP TRONG NƯỚC

Tình hình sản xuất và bán hàng

- Tổng sản lượng thép thành phẩm sản xuất năm 2020 đạt 25.944.047 tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2019;
- Sản lượng bán hàng đạt 23.449.038 tấn, tăng 1,4% so với năm 2019;
- Trong cơ cấu bán hàng, thép xây dựng chiếm tỷ trọng lớn nhất với 44,6%, theo sau là thép HRC với 18,3% và tôn mạ với 16,8%. Ống thép và thép cán nguội lần lượt chiếm 11,1% và 9,3%.

Nguồn: Hiệp hội thép Việt Nam

Tình hình xuất nhập khẩu

- **Nhập khẩu:**
 - ※ Năm 2020, nhập khẩu thép về Việt Nam là 13,259 triệu tấn với trị giá trên 8 tỷ USD, giảm lần lượt 8,92% về lượng và 15,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019;
 - ※ Trong năm 2020, lượng thép nhập khẩu từ Trung Quốc là 3,41 triệu tấn, với trị giá nhập khẩu hơn 2,77 tỷ USD, chiếm 28,35% tổng lượng thép nhập khẩu và 30,39% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước.

- **Xuất khẩu:**

- ※ Trong năm 2020, Việt Nam xuất khẩu thép đạt 9,85 triệu tấn, với trị giá đạt 5,258 tỷ USD đến hơn 30 quốc gia và khu vực trên thế giới, trong đó, các thị trường xuất khẩu chính là ASEAN, Trung Quốc, Đài Loan, Hoa Kỳ...
- ※ Trung Quốc: đạt 3,53 triệu tấn, tương đương 1,48 tỷ USD, tăng đột biến cả về lượng và trị giá xuất khẩu so với năm 2019, chiếm 35,89% tỷ trọng xuất khẩu thép năm 2020 của Việt Nam;
- ※ ASEAN: đạt 4,169 triệu tấn, tương đương 2,3 tỷ USD, tăng không đáng kể về lượng xuất khẩu nhưng giảm 8,3% về trị giá cùng kỳ năm 2019.

Nguồn: Hiệp hội thép Việt Nam

Diễn biến giá thép

- **Giá thép dài trong nước** - Theo cung cầu, giá bán trong nửa đầu năm tiếp tục đà suy giảm từ năm 2019 đến tháng 07/2020. Tuy nhiên đã trở lại xu hướng tăng tốt trong các tháng sau đó, sự cải thiện giá bán đến từ các yếu tố trọng yếu:
 - ※ Sự tăng giá chi phí các nguyên liệu đầu vào: quặng sắt và thép phế;
 - ※ Nhu cầu thép tại Trung Quốc tăng nhanh làm tăng giá mặt bằng chung khu vực Châu Á;
 - ※ Nhu cầu thép dài trong nước hồi phục.
- **Giá thép dây:** Giá thép dây bắt đầu tăng mạnh từ tháng 08/2020, chỉ trong vòng 4 tháng cuối năm, giá bán bình quân thép dây đã tăng 30%.

THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Kể từ tháng 3/2020, khi đại dịch COVID-19 bắt đầu ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều ngành nghề và ngay sau đó là đợt phong tỏa đầu tiên hồi tháng 4, bất động sản cho thuê bắt đầu bước vào chu kỳ khủng hoảng chưa từng có trong lịch sử. Giá thuê tài sản rớt mạnh nhất 10 năm trở lại đây.

Thị trường văn phòng tại TP.HCM vẫn tiếp tục gặp khó khăn khi tình hình hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch bệnh COVID-19. Theo CBRE, thị trường ghi nhận diện tích thực cho thuê giảm liên tiếp 9 tháng đầu năm 2020. Trong đó, 31% tổng số giao dịch thực hiện đến từ việc thu hẹp diện tích từ khách thuê. Giá thuê giảm từ 10% - 30% tùy ngành hàng.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Bảng kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	4.632.330	5.231.863	12,94%
Giá vốn hàng bán	4.443.295	5.002.859	12,59%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.035	229.004	21,14%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	162.786	52.692	-67,63%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	133.316	42.897	-67,82%

Trong năm 2020, doanh thu thuần của Công ty tăng 12,94% so với năm 2019. Đại dịch Covid-19 đã làm nguồn cung sắt thép trên thị trường thế giới và cả ở Việt Nam giảm mạnh; bên cạnh đó chính phủ các quốc gia đẩy mạnh đầu tư công để kích thích kinh tế làm nhu cầu sắt thép tăng cao từ đó giá sắt thép tăng mạnh vào giai đoạn nửa cuối năm 2020 đã tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi cho Công ty. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 21,14% so với năm 2019.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 67,63% so với năm 2019 nguyên nhân chủ yếu do năm 2019 Công ty có ghi nhận khoản lãi từ việc tất toán khoản đầu tư vào dự án Happy Home Cà Mau, thông qua việc tất toán này đã thu về 125 tỷ đồng doanh thu tài chính, hạch toán 119,16 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế vào kết quả kinh doanh công ty mẹ trong năm 2019.

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020		Tỷ trọng thực hiện so với	
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
Tổng doanh thu và thu nhập khác	4.772.252	5.252.204	5.258.797	110,1%	99,9%
Lợi nhuận trước thuế	168.917	57.018	87.894	33,8%	64,9%
<i>Lợi nhuận trước thuế không bao gồm LN từ việc bán cổ phần Công ty SG 268</i>	<i>49.757</i>	<i>57.018</i>	<i>87.894</i>	<i>114,6%</i>	<i>64,9%</i>
Lợi nhuận sau thuế	133.316	42.897	70.315	32,2%	61,0%

Năm 2020, Thiên Nam Group hoàn thành 99,9% kế hoạch về doanh thu và 64,9% kế hoạch về lợi nhuận. Trong trường hợp so sánh với năm 2019, không tính đến lợi nhuận không thường xuyên từ việc bán cổ phần Công ty SG 268, lợi nhuận tập đoàn tăng 14,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong bối cảnh năm 2020 tình hình dịch bệnh phức tạp, chính phủ giãn cách xã hội, 101.700 doanh nghiệp ngừng kinh doanh/giải thể (tăng 13,9% so với năm 2019), GDP cả nước chỉ đạt 2,91% trong khi kế hoạch đề ra là 6,8%, Thiên Nam Group vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh có lợi nhuận ở mức khá, đảm bảo thu nhập và công ăn việc làm cho toàn thể nhân viên, thể hiện sự nỗ lực rất lớn của toàn thể nhân viên Thiên Nam Group trong một năm đầy khó khăn.

Ngoài tác động của dịch Covid-19 thì nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty sụt giảm mạnh là do năm 2019 Công ty ghi nhận khoản lợi nhuận đột biến do thanh lý các khoản đầu tư nên lợi nhuận năm nay giảm đi đáng kể so với năm trước.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng hóa	4.466.804	96,27%	5.152.841	98,47%
Doanh thu bán thành phẩm	117.073	2,52%	18.194	0,35%
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	38.409	0,83%	50.436	0,96%
Doanh thu hợp tác kinh doanh	11.000	0,24%	3.000	0,06%
Doanh thu dịch vụ khác	6.770	0,15%	8.449	0,16%
Tổng cộng	4.640.055	100,00%	5.232.920	100,00%

Doanh thu bán hàng hóa vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Trong năm 2020, doanh thu bán hàng hóa chiếm 98,47% trong cơ cấu doanh thu, giá sắt-thép đạt đỉnh đã tạo cơ hội để Công ty bứt phá kinh doanh trong những tháng cuối năm. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư và doanh thu dịch vụ khác ghi nhận tăng 31,58% và 33,33% so với năm 2019. Doanh thu bán thành phẩm, doanh thu hợp tác kinh doanh ghi nhận giảm lần lượt 84,45% và 72,73% so với năm 2019.

Nhằm phục vụ quá trình phát triển sâu rộng các lĩnh vực đang kinh doanh, các công ty con kể từ năm 2019 bắt đầu nhiệm vụ sắp xếp lại, chuyển đổi cơ cấu và khai thác thị trường mới sản phẩm/dịch vụ mới còn trong quá trình xây dựng nên chưa mang lại hiệu quả tức thời.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH CHUNG

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	Thực hiện 2020/2019
Tổng tài sản	1.748.427	2.129.426	121,79%
Doanh thu thuần	4.632.330	5.231.863	112,94%
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	189.035	229.004	121,14%
Lợi nhuận khác	6.132	4.326	70,54%
Lợi nhuận trước thuế	168.917	57.018	33,75%
Lợi nhuận sau thuế	133.316	42.897	32,18%

Trong năm 2020, tổng tài sản của công ty tăng 21,39% so với năm 2019. Doanh thu thuần ghi nhận tăng 12,94%, lợi nhuận gộp tăng 21,14% so với năm 2019. Lợi nhuận trước và sau thuế ghi nhận giảm, đạt lần lượt 33,75% và 31,18% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do khoảng lợi nhuận không thường xuyên từ việc bán cổ phần Công ty Cổ phần SG 268 vào năm 2019, nên lợi nhuận năm nay giảm đi đáng kể so với năm 2019.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

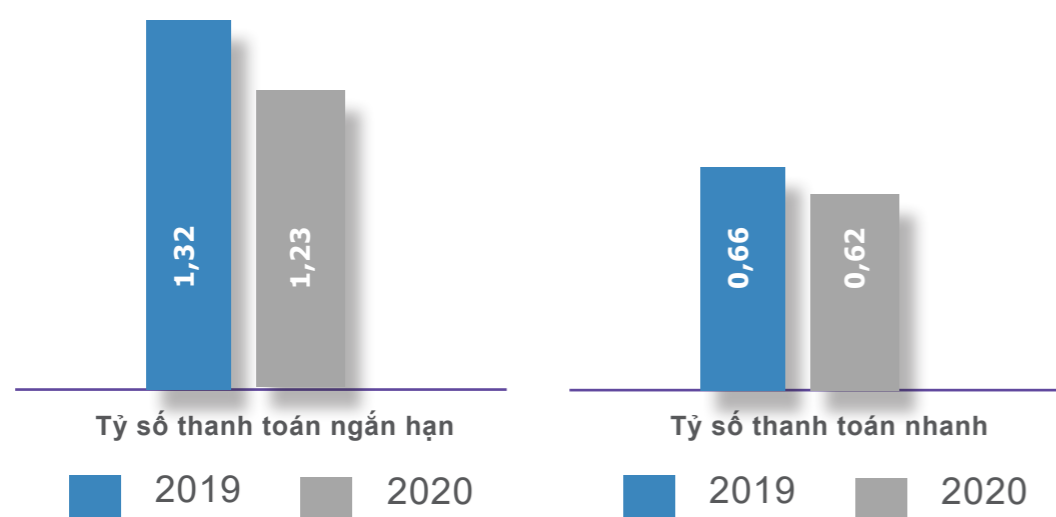
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019	2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,32	1,23
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,66	0,62
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	68,0	73,4
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	212,7	276,4
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,30	5,99
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,62	2,70
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	2,88%	0,82%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	26,62%	7,63%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,53%	2,21%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

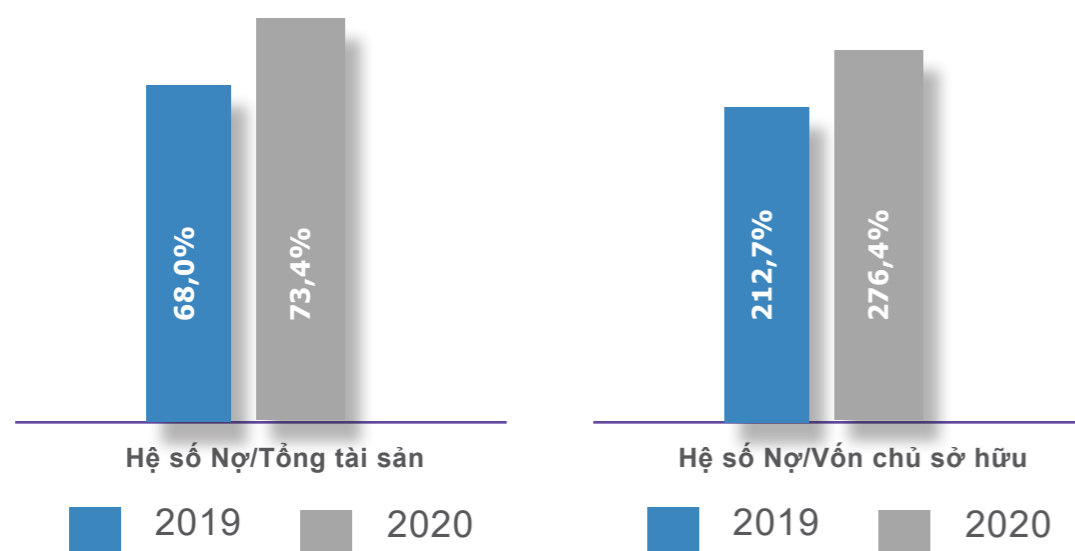
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2020, nhóm hệ số khả năng thanh toán của Thiên Nam Group sụt giảm nhẹ so với năm 2019, tuy nhiên, vẫn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn.



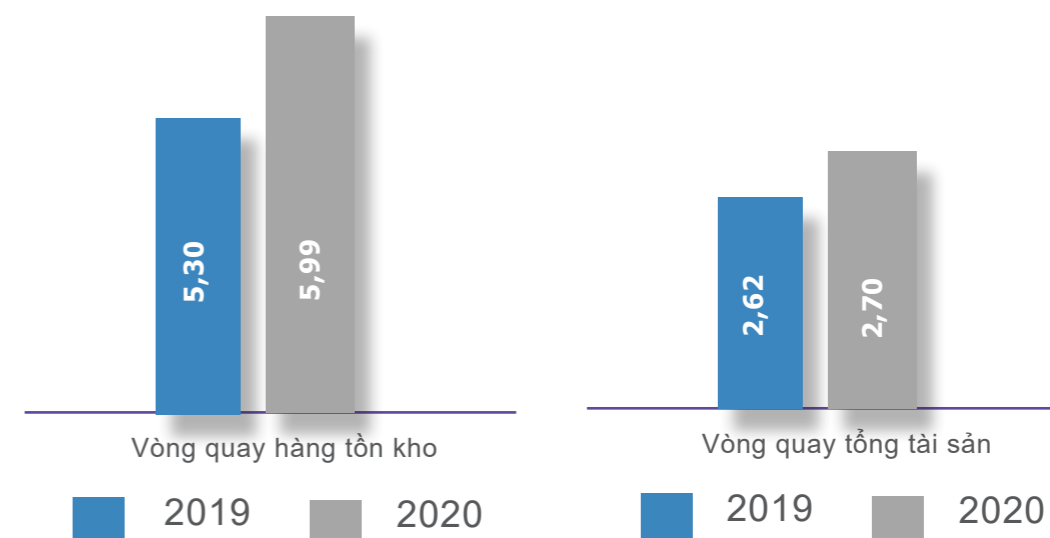
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính của Thiên Nam Group trong năm 2020 gia tăng so với năm 2019, tuy nhiên, việc này có thể chấp nhận được trong bối cảnh tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, việc thanh toán của các đối tác đầu ra chậm, trong khi đó các nhà cung cấp đầu vào lớn đều yêu cầu thanh toán trước khi nhận hàng, do đó, dẫn đến nhu cầu vốn vay tăng hơn so với cùng kỳ năm trước.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

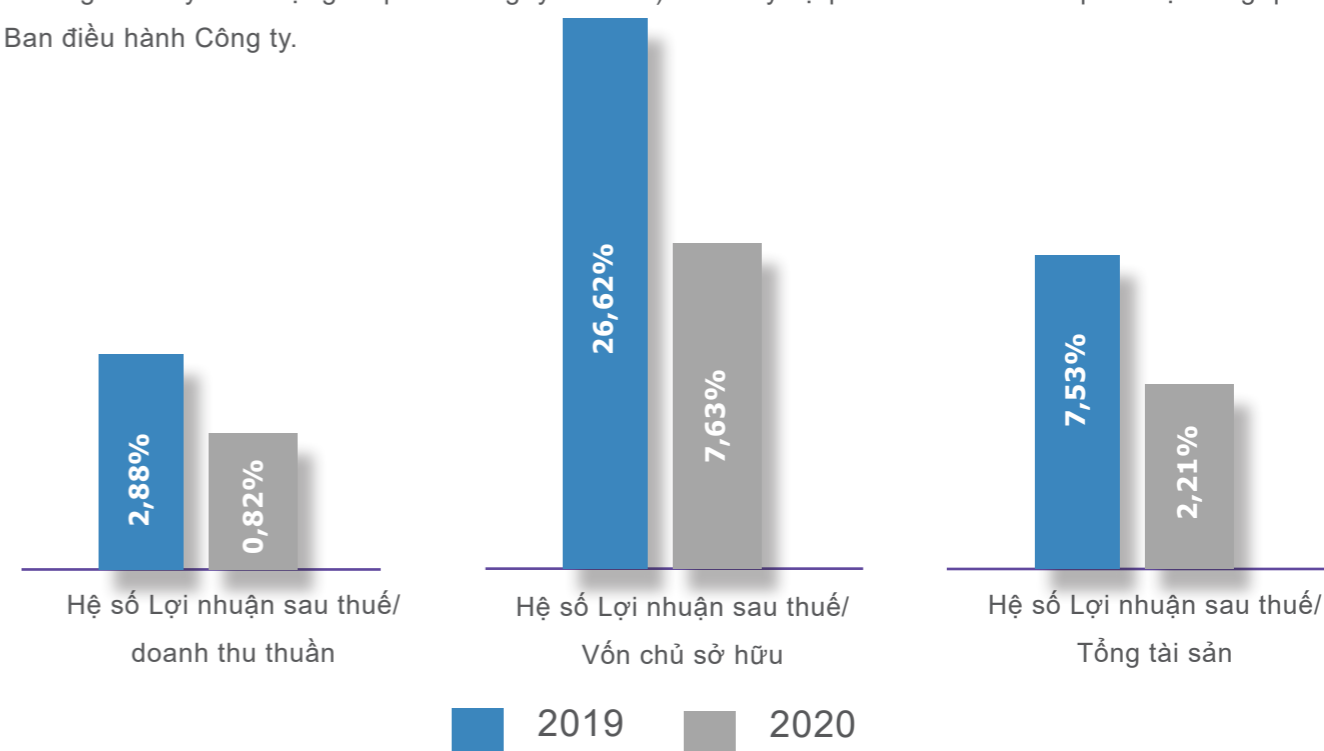
Năm 2020, các chỉ tiêu về vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Thiên Nam Group đều được cải thiện nhẹ so với năm 2019.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi

Năm 2020 nhóm chỉ tiêu này thấp hơn so với năm 2019 khá nhiều, nguyên nhân chủ yếu là do khoản lợi nhuận ghi nhận từ việc thoái vốn khỏi dự án Happy Home Cà Mau trong năm 2019.

Năm 2020 là một năm diễn biến vô cùng bất lợi đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Mặc dù kết quả kinh doanh của Thiên Nam Group không quá xuất sắc, tuy nhiên việc hoàn thành 65% kế hoạch đề ra, đồng thời vượt gần 15% lợi nhuận so với năm trước (trong trường hợp loại trừ khoản lợi nhuận bất thường từ chuyển nhượng cổ phần Công ty SG 268) cho thấy sự phấn đấu rất lớn từ phía Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	:	39.730.884.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	39.730.539.046 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	:	344.954 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	:	344.954 cổ phiếu
Các chứng khoán giao dịch tại nước ngoài (nếu có)	:	-
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2020)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	2.220	37.573.358	375.733.580.000	94,57%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	0,00%
2	Cổ đông tổ chức	38	1.520.005	15.200.050.000	3,83%
3	Cổ đông cá nhân	2.182	36.053.353	360.533.530.000	90,74%
II	Cổ đông nước ngoài	78	2.157.526	21.575.260.000	5,43%
1	Cá nhân	61	1.124.976	11.249.760.000	2,83%
2	Tổ chức	17	1.032.550	10.325.500.000	2,60%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	2.298	39.730.884	397.308.840.000	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2020)

STT	Cổ đông lớn	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	6.600.347	16,61%
2	Nguyễn Quang Hòa	6.260.143	15,76%
3	Nguyễn Trần Thảo Hương	3.300.133	8,30%

Báo cáo của ban Tổng Giám đốc



Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Đánh giá tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu hoạt động kinh doanh, tổ chức

Kê hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020, tình hình dịch bệnh phức tạp, chính phủ giãn cách xã hội, trong 08 tháng đầu năm diễn biến giá thép theo chiều hướng xấu gây ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, tuy nhiên, Ban Điều hành đã có những biện pháp, nỗ lực hành động nhằm đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Đồng thời, Công ty mẹ vẫn ghi nhận lợi nhuận ở mức khá, cho thấy sự cố gắng rất lớn của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN

Tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	1.496.544	85,59%	1.869.806	88%	24,94%
Tài sản dài hạn	251.884	14,41%	259.620	12%	3,07%
Tổng tài sản	1.748.427	100,00%	2.129.426	100%	21,79%

Trong năm 2020, tổng tài sản của Công ty ghi nhận tăng 21,79% so với năm 2019, đạt giá trị 2.129 tỷ đồng. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 24,54% so với năm 2019. Cụ thể, khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao trong mức tăng tài sản ngắn hạn của năm nay so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		% Tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	1.137.331	65,05%	1.515.032	71,15%	33,21%
Nợ dài hạn	51.895	2,97%	48.684	2,29%	-6,19%
Vốn chủ sở hữu	559.201	31,98%	565.710	26,57%	1,16%
Tổng nguồn vốn	1.748.427	100,00%	2.129.426	100%	21,79%

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ, nhu cầu vốn lưu động cao để phục vụ cho quá trình kinh doanh, chính vì vậy nợ ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty. Năm 2020, nợ ngắn hạn chiếm 71,15% tổng nguồn vốn của Công ty, tăng 33,21% so với năm 2019, nguyên nhân tăng chủ yếu đến từ khoản vay tài chính ngắn hạn. Nợ dài hạn trong năm giảm 6,19% so với năm 2019. Vốn chủ sở hữu ghi nhận tăng 11,64% so với cùng kỳ. Cấu trúc vốn của Công ty vẫn đảm bảo tính lành mạnh và ổn định.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TỔ CHỨC

ĐA DẠNG HÓA CƠ CẤU KINH DOANH

- Trong năm 2020, mặt hàng thép dây nhập khẩu từ Trung Quốc bị áp thuế tự vệ, việc kinh doanh đã không còn mang lại lợi nhuận tốt như trước đây, Ban điều hành đã thay đổi chiến lược kinh doanh, tập trung kinh doanh các mặt hàng trong nước, từ đó, thiết lập được quan hệ với nhiều nhà cung cấp lớn. Hướng đi đúng đắn và kịp thời này cũng góp phần giúp cải thiện lợi nhuận từ mặt hàng trên từ 3,4% năm 2019 lên mức 5% năm 2020
- Ngoài mặt hàng thép cuộn và thép dây chủ lực, trong năm 2020, Ban điều hành đã đẩy mạnh kinh doanh mặt hàng thép dự ứng lực vốn có biên lợi nhuận gộp tốt (gần 10%). Trong năm 2019, tỷ trọng mặt hàng này trong cơ cấu doanh thu chỉ là 0,2% thì trong năm 2020, tỷ trọng này đã tăng lên 2,1%
- Năm 2020, Ban điều hành ngoại trừ đa dạng hoá mặt hàng kinh doanh còn chú trọng đến việc đa dạng hoá đối tác đầu ra, duy trì và mở rộng được mạng lưới khách hàng tốt làm tiền đề đẩy mạnh hoạt động kinh doanh sắt thép trong năm 2021. Một số khách hàng chiến lược có sản lượng cung ứng từ 500 đến 2.000 tấn/tháng
- Công ty đang tiếp tục tìm kiếm các quỹ đất nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bất động sản trong những năm tiếp theo.



TÁI CƠ CẤU CÔNG TY

- Trong năm 2020, Ban lãnh đạo đã tiếp tục giảm bớt 01 Phó Tổng Giám đốc kinh doanh sắt thép, giải thể một Trung tâm kinh doanh không hiệu quả, Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh sắt thép nhằm tiết giảm chi phí cho Công ty, bước đầu đã mang lại kết quả khá tốt.
- Một thành viên HĐQT trực tiếp tham gia điều hành Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam với cương vị Giám đốc công ty, nhằm cắt giảm chi phí đồng thời đảm bảo việc điều hành được tốt hơn. Công ty chuyển hướng sang kinh doanh các mặt hàng nước ép, sữa hạt, thực phẩm...có biên lợi nhuận gộp cao (30 – 50%).



TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ HỢP TÁC KINH DOANH, LIÊN DOANH VỚI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ ĐỐI TÁC LÀ TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG ĐỀ TÀI TRỢ LÂU DÀI CHO CÔNG TY

- Trong năm 2020, việc tăng vốn điều lệ vẫn chưa thực hiện được do chưa tìm kiếm được nhà đầu tư phù hợp
- Tuy nhiên, quan hệ hợp tác với các Tổ chức tín dụng được duy trì và phát triển. Hạn mức tín dụng của Công ty đã tăng thêm 200 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2019.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN NĂM 2021

Những thách thức từ thị trường năm 2021

- Ngân hàng Thế Giới cảnh báo triển vọng trong ngắn hạn vẫn không chắc chắn. Theo kịch bản bất lợi, dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp và việc triển khai vắc xin bị trì hoãn có thể hạn chế mức tăng trưởng toàn cầu xuống 1,6%
- Các dự báo tăng trưởng trước đây đều giả định rằng COVID-19 sẽ được kiểm soát vào khoảng giữa năm 2021 trên thế giới và ở Việt Nam cơ bản không có làn sóng COVID-19 mới.
- Tuy nhiên, những giả định này cho đến nay có thể không phù hợp do COVID-19 vẫn đang tiếp tục hoành hành ở nhiều khu vực trên thế giới và Việt Nam cũng đang phải đối đầu với làn sóng mới này.
- Nhiều quốc gia trên thế giới đã bơm ra tổng cộng hàng chục nghìn tỷ USD để kích thích phục hồi nền kinh tế, có nguy cơ gây ra lạm phát trên phạm vi rộng.

Những tín hiệu tích cực cho kế hoạch kinh doanh năm 2021

- **Tỷ giá:** Đồng VND trong năm 2021 được dự báo sẽ tăng giá khoảng 0,5 – 1%, trong bối cảnh nguồn cung ngoại tệ tích cực và đồng USD giảm giá.
- **Lãi suất và tín dụng:**
 - ※ Chính sách tiền tệ sẽ duy trì trạng thái nới lỏng trong năm 2021 nhằm tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp và hộ gia đình gặp khó khăn. Nhiều khả năng NHNN sẽ hạ lãi suất điều hành thêm một lần nữa trong nửa đầu năm 2021, khi áp lực giá tiêu dùng vẫn chưa đáng lo ngại.
 - ※ Tín dụng kỳ vọng sẽ hồi phục nhanh trong nửa cuối năm 2021, trong kịch bản vaccine được phân phối rộng trên nhiều quốc gia tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất hồi phục. Ông Nguyễn Tuấn Anh - Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế (Ngân hàng Nhà nước - NHNN) cho biết: Dự kiến tăng trưởng tín dụng năm 2021 khoảng 12%, tăng 1% so với năm 2020 nhưng có thể điều chỉnh linh hoạt phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và nền kinh tế.

• Ngành thép:

- ※ Nhận định về thị trường thép năm 2021, SSI Research ước tính nhu cầu thép sẽ tăng khoảng 3 - 5% từ mức cơ sở thấp trong năm 2020, nhờ kỳ vọng kinh tế vĩ mô chung phục hồi, cùng với hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng đặc biệt là các dự án trọng điểm mang tính cấp bách như cao tốc Bắc - Nam phía Đông, cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ, sân bay quốc tế Long Thành...
- ※ Bên cạnh đó, Việt Nam còn có cơ hội lớn trong thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhờ khả năng kiểm soát tốt dịch bệnh, chi phí nhân công rẻ.... Do vậy, khi các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam thì nhu cầu đầu tư nhà xưởng, khu công nghiệp sẽ tăng lên, kéo theo nhu cầu về thép xây dựng tăng theo.

- **Ngành dịch vụ văn phòng cho thuê:** Theo ghi nhận của Savills Việt Nam, thị trường bất động sản văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh cải thiện rất tích cực trong năm 2020 và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2021, khi kinh tế phục hồi trở lại và niềm tin cũng như vị thế chủ đầu tư tiếp tục được củng cố



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid - 19 trên thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp kéo theo hệ lụy kinh tế Thế Giới và trong nước còn nhiều bất ổn làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp. Tuy nhiên, Thiên Nam Group sẽ cố gắng nỗ lực vượt qua những khó khăn, thách thức để thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó.



Báo cáo của Hội đồng quản trị



Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020
Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với hoạt động kinh doanh
Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2020

- Chỉ đạo, giám sát công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 theo đúng quy định. Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020 và nội dung các tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng quy trình và tiến độ đề ra.
- Thường xuyên tổ chức họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.
- Quyết định về kế hoạch tiền lương năm 2020 của Công ty; thù lao HĐQT và Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty năm 2020.
- Quyết định chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính công ty năm 2020 là Công ty TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C.
- Chỉ đạo, giám sát thực hiện việc trả cổ tức là 5% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thời gian thực hiện trong quý 3/2020.
- Ban hành Quy chế Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty. Đây là quy chế quy định cơ cấu tổ chức, chức năng của Ban Kiểm toán nội bộ, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban, nhiệm vụ của các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam, đồng thời, quy chế này quy định các điều khoản liên quan đến hoạt động kiểm soát của Ban Kiểm toán nội bộ trong việc kiểm soát Công ty và các Công ty thành viên, Công ty liên kết.
- Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam và các Công ty thành viên, với mục đích quy định và hướng dẫn các quy tắc nền tảng, những chuẩn mực đạo đức và ứng xử mà Thiên Nam Group mong muốn tất cả nhân viên tuân thủ thực hiện với mục đích: Giữ gìn và phát huy giá trị cốt lõi của Thiên Nam Group (Hiệu quả - Chính trực - Chuyên nghiệp); xây dựng thương hiệu Thiên Nam Group; tạo lập môi trường làm việc tốt nhất.
- Giám sát quy trình thực hiện công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán.
- Giám sát tình hình hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2020: Do tình hình dịch bệnh Covid-19 xảy ra ngay từ đầu năm liên tục kéo dài đến thời điểm hiện nay vẫn chưa dứt đã làm ảnh hưởng phần nào đến hoạt động kinh doanh của toàn Công ty. Vì vậy, kết quả kinh doanh năm 2020 Công ty đã đạt được 99,90% về doanh thu, về lợi nhuận sau thuế thực hiện được 64,90% trên kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao.
- Từng bước xây dựng mô hình tổ chức vận hành, chính sách và quy trình làm việc, bổ sung nhân lực, thay đổi Logo và hệ thống nhận diện thương hiệu..., từng bước hoàn thiện mô hình tập đoàn Thiên Nam với công ty mẹ và các công ty con kinh doanh chuyên biệt từng ngành hàng khác nhau.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Tổng Giám Đốc cũng như phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty. Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục nên việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Điều hành luôn nhịp nhàng và hiệu quả. Việc điều hành kinh doanh của Ban Điều hành không bị cản trở, việc giám sát của Hội đồng quản trị được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng quản trị. Các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành
- Trong năm, Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Tổng Giám Đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và đột xuất. Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý.
- Định kỳ hàng quý, Tổng Giám Đốc báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị, những khó khăn, thuận lợi phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, Hội đồng quản trị tổ chức họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành và yêu cầu Ban Điều hành triển khai thực hiện tiếp các công việc mới. Các hoạt động kinh doanh của



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Chỉ đạo trực tiếp Ban Điều hành thực hiện nghiêm túc các công tác hoạt động kinh doanh, hoàn thành các kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao phó;
- Tăng cường công tác phối hợp với Ban Điều hành để đạt kết quả kinh doanh tốt nhất;
- Mục tiêu quan trọng trước khi tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là xây dựng Dự thảo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị theo các văn bản pháp luật mới ban hành, để trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Theo dõi tình hình dịch bệnh, liên tục đánh giá các ảnh hưởng đến giá sắt - thép trên thế giới cũng như trong nước để kịp thời đưa ra các phương án kinh doanh hiệu quả;
- Chỉ đạo việc công bố thông tin theo đúng các quy định hiện hành.

Báo cáo phát triển bền vững



Môi trường xanh – sạch, nền tảng của phát triển bền vững
Con người – Giá trị văn hóa cốt lõi
Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

MÔI TRƯỜNG XANH – SẠCH, NỀN TẢNG CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Thép là một ngành công nghiệp nặng, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không tránh khỏi các tác động đến môi trường, gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Vì vậy, Công ty rất chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường vì môi trường chính là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến sự phát triển bền vững.

Thiên Nam Group luôn đặc biệt quan tâm và nâng cao trách nhiệm đối với môi trường và con người trong quá trình hoạt động của mình, thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của cơ quan quản lý đối với môi trường, lựa chọn và áp dụng công nghệ tiên tiến, để đảm bảo lượng tiêu tốn vật tư là thấp nhất, nguyên nhiên liệu kết hợp với các biện pháp xử lý cuối nguồn để đảm bảo tối thiểu các tác động đến môi trường. Công ty cũng thường xuyên củng cố và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân viên, để có những cập nhật, phản ứng và cách xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh nếu có, góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường.



Thiên Nam Group áp dụng biện pháp xử lý và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và ký hợp đồng xử lý nước thải với các đơn vị chịu trách nhiệm, đảm bảo lượng nước thải ra được xử lý đúng cách và không gây ảnh hưởng đến môi trường. Đối với khí thải, các hoạt động của Công ty không phát sinh ra khói và khí thải độc hại, tuy nhiên Công ty vẫn tăng cường thoáng gió tự nhiên và tăng cường diện tích cây xanh trong môi trường làm việc cho cán bộ nhân viên;

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn đảm bảo đầy đủ ánh sáng tự nhiên trong quá trình làm việc của cán bộ nhân viên, tiết giảm tối đa tiêu hao điện năng nhưng vẫn đảm bảo năng suất làm việc tốt của cán bộ nhân viên.

CON NGƯỜI – GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỐT LÕI

Văn hoá Công ty được phát triển dựa trên đội ngũ Cán bộ - Công nhân viên nhiệt huyết, tận tâm với nghề, có đạo đức nghề nghiệp. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực được triển khai định kỳ nhằm vừa đáp ứng được nhu cầu phát triển, vừa đảm bảo việc duy trì văn hoá tốt đẹp của Thiên Nam. Các chính sách đào tạo hướng tới mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động phát triển trình độ và kỹ năng của bản thân, để người lao động có được ưu thế trong môi trường nghề nghiệp cạnh tranh như hiện nay.

Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm tính trên 01 nhân viên 48h/người/năm;
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo cụ thể cho từng đối tượng;
- Dành kinh phí cho các hoạt động đào tạo;
- Khuyến khích mọi người tham gia các hoạt động đào tạo;
- Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài;
- Theo dõi, đánh giá, ghi nhận kết quả đào tạo của người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, tạo sân chơi để nâng cao đời sống tinh thần của Cán bộ - Công nhân viên, tạo sự gắn kết giữa các đồng nghiệp, phòng ban. Đây là cơ hội để các thành viên trong công ty chia sẻ những quan tâm trong cuộc sống chứ không dừng lại ở mối liên hệ công việc.



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty phải gắn bó đến sự phát triển ổn định của kinh tế, xã hội. Trong năm, Công ty luôn nỗ lực hết mình để tạo nên những giá trị tốt đẹp thông qua các hương trình chăm lo cho người lao động và hỗ trợ phát triển cộng đồng.

Trong năm, Công ty chú trọng các công tác chung tay vì cộng đồng, thường xuyên xuyên tổ chức những buổi công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa nhằm đóng góp một phần vào sự phát triển của xã hội, chăm lo đời sống cho những mảnh đời bất hạnh, những người đã có công với đất nước; thể hiện thái độ tốt và trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Đặc biệt, từ năm 2018 đến nay, Công ty luôn đồng hành xuyên suốt chương trình “Hành trình cùng những cây cầu”, để cùng chung tay xây dựng những cây cầu mới, với mong muốn gửi gắm tình yêu thương, chia sẻ tới người dân và các em học sinh vùng quê nghèo còn đang gặp khó khăn.



Quản trị công ty



Hội đồng quản trị
Ủy ban Kiểm toán
Giao dịch và thù lao

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp (trực tiếp/ trực tuyến/mail...)	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT	18/18	100%
2	Ông Vương Quang Diệu	TV HĐQT-Tổng Giám đốc	18/18	100%
3	Ông Hồ Văn Tuyên	TV HĐQT	18/18	100%
4	Bà Trần Thị Minh Trang	TV HĐQT	18/18	100%
5	Bà Trần Duy Kiều	TV HĐQT	18/18	100%



Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 13/2020/NQ-HDQT	24/03/2020	Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 (Công ty thành viên)
2	Nghị quyết số 15/2020/NQ-HDQT	14/04/2020	Gia hạn thời gian tổ chức Đại Hội Đồng Cổ đông Thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam
3	Nghị quyết số 19/2020/NQ-HDQT	22/04/2020	Ban hành Quy chế Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty
4	Nghị quyết số 20/2020/NQ-HDQT	04/05/2020	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
5	Nghị quyết số 23/2020/NQ-HDQT	25/06/2020	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2019
6	Nghị quyết số 25/2020/NQ-HDQT	29/06/2020	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2020.
7	Quyết định số 27/2020/NQ-HDQT	03/07/2020	Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty.
8	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HDQT	06/07/2020	Chọn đơn vị kiểm toán Công ty năm 2020
9	Nghị quyết số 35/2020/NQ-HDQT	10/08/2020	Kế hoạch quỹ lương Công ty năm 2020
10	Nghị quyết số 36/2020/NQ-HDQT	25/08/2020	Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử Công ty CP TM- XNK Thiên Nam và các Công ty thành viên
11	Nghị quyết số 42/2020/NQ-HDQT	20/10/2020	Thay đổi Logo và hệ thống nhận diện thương hiệu Công ty
12	Nghị quyết số 43/2020/NQ-HDQT	28/10/2020	Thay đổi Logo trong Điều lệ Công ty

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Hoạt động giám sát của Ủy ban kiểm toán đối với Ban Tổng Giám đốc

- Kiểm tra, giám sát báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 và quý I, II, III năm 2020 của hệ thống toàn Công ty.
- Tham mưu Hội đồng quản trị ban hành các chính sách, quy định về nội dung và thời gian báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của hệ thống toàn Công ty.
- Thường xuyên kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty thành viên để báo cáo và đề xuất ý kiến với HĐQT, việc kiểm soát được thực hiện theo từng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và đột xuất khi có yêu cầu của HĐQT Công ty.
- Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ cho HĐQT trong việc thực hiện tái cấu trúc bộ máy điều hành của 02 Công ty thành viên là Công ty CP Nahaviwel và Công ty CP PT KD TM Sài Gòn 168.



GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác

STT	Họ và tên	Lương
1	Hội đồng quản trị	
	Nguyễn Quang Hòa - Chủ tịch	50.000.000
	Vương Quang Diệu	35.000.000
	Hồ Văn Tuyên	35.000.000
	Trần Thị Minh Trang	30.000.000
	Trần Duy Kiều	30.000.000
2	Ban Kiểm toán Nội bộ	
	Hồ Văn Tuyên - Trưởng Ban	20.000.000
	Nguyễn Trần Vinh	20.000.000
	Nguyễn Thị Huyền	20.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Tên cổ đông lớn	Chức vụ/ Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT	4.359.663	mua	1.083.940	5.443.603	01/03/2020
2	Lê Thị Hoài Hương	Cổ đông lớn	1.729.700	mua	500.000	2.229.700	01/06/2020
3	Lê Thị Hoài Hương	Cổ đông lớn	2.199.000	bán	500.000	1.699.000	01/08/2020
4	Trần Thị Minh Trang	TV HĐQT	500.000	bán	500.000	0	01/03/2020
5	Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT	4.359.663	mua	1.083.940	5.443.603	01/03/2020
6	Vương Quang Hào	Người liên quan CĐNB	116.233	bán	116.224	9	01/11/2020

Báo cáo tài chính hợp nhất



Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301172041, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 06 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-8) 3 8 348 980
- Fax : (84-8) 3 8 348 983

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam - Trung tâm kinh doanh Sắt thép Thiên Nam Long An	Số 56A Quốc lộ 1A, Ấp 2, Xã Mỹ Yên, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam - Trung tâm kinh doanh Sắt thép Thiên Nam Bình Tân	656 Quốc lộ 1 A, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn vải giả da, nylon phủ nhựa, màng PVC dạng cuộn. Bán buôn cao su. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt. Mua bán hạt nhựa, kim loại phế liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Thu mua và chế biến hàng nông-thủy-hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán xe ô tô, salon auto;
- Mua bán vỏ xe ô tô các loại;
- Mua bán bia, nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Mua bán hàng điện gia dụng, vật tư ngành ảnh, văn phòng phẩm, đồ điện gia dụng, giày da, túi xách, đồng hồ, mắt kính, cơ điện lạnh, máy giặt, xe gắn máy và phụ tùng, xe đạp, quần áo;
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng cây điều;
- Trồng cây chè;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và uơm giống cây lâm nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Đại lý du lịch;
- Mua bán sắt thép (không hoạt động tại trụ sở) (trừ mua bán vàng miếng);
- Mua bán gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu;

- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông, thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, điện tử, xe gắn máy, nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phân bón, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, mỹ phẩm. Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu các mặt hàng Nhà nước cho phép. Dịch vụ khai thuế hải quan. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở);
- Khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh lữ hành nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác;
- Trồng cây hàng năm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Ông Vương Quang Diệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Bà Trần Duy Kiều	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Bà Trần Thị Minh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vương Quang Diệu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Minh Thư	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2018
Ông Vương Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vương Quang Diệu - Tổng Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



Số: 1.0350/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.869.806.058.087	1.496.543.547.023
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	60.564.950.422	130.079.758.653
1. Tiền	111		28.740.603.292	114.017.758.653
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.824.347.130	16.062.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	6.750.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	6.750.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		871.483.695.604	607.881.943.784
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	630.829.144.068	421.748.455.605
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	63.749.896.876	75.072.497.900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	177.635.903.541	110.326.236.911
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(748.098.682)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		16.849.801	734.753.368
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	926.107.261.232	743.078.774.036
1. Hàng tồn kho	141		926.690.959.443	745.580.257.829
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(583.698.211)	(2.501.483.793)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.650.150.829	8.753.070.550
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.733.420.525	2.689.661.129
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.067.649.904	5.214.329.021
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	849.080.400	849.080.400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

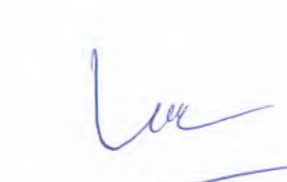
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		259.620.229.218	251.883.677.698
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.640.811.471	4.496.530.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	5.640.811.471	4.496.530.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		41.625.266.871	43.826.295.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	12.696.437.321	16.582.002.038
- Nguyên giá	222		43.592.489.945	44.233.282.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.896.052.624)	(27.651.280.761)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	1.801.046.738	-
- Nguyên giá	225		2.026.177.582	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(225.130.844)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	27.127.782.812	27.244.293.323
- Nguyên giá	228		28.545.999.917	28.545.999.917
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.418.217.105)	(1.301.706.594)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	73.671.039.731	77.903.989.355
- Nguyên giá	231		106.202.325.022	106.202.325.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(32.531.285.291)	(28.298.335.667)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		132.246.100.000	120.496.100.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	120.496.100.000	120.496.100.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	11.750.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.437.011.145	5.160.762.982
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	6.340.094.560	4.982.643.974
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	96.916.585	178.119.008
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.129.426.287.305	1.748.427.224.721

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.563.716.148.118	1.189.226.401.559
I. Nợ ngắn hạn	310		1.515.032.356.240	1.137.331.220.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	268.310.839.368	88.114.487.827
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	69.814.601.546	19.332.056.590
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.530.773.372	5.955.431.731
4. Phải trả người lao động	314	V.17	9.970.626.846	9.069.208.674
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	4.061.488.236	1.888.279.108
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		791.319.883	350.099.123
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	20.580.755.467	80.308.074.618
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.136.762.982.936	932.313.479.070
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	208.968.586	103.818
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		48.683.791.878	51.895.181.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	46.899.739.000	46.461.181.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	1.784.052.878	5.434.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		565.710.139.187	559.200.823.162
I. Vốn chủ sở hữu	410		565.710.139.187	559.200.823.162
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	397.308.840.000	345.940.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		397.308.840.000	345.940.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	4.034.353.637	4.034.353.637
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	(11.978.525.300)	(11.978.525.300)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	31.763.082.105	31.763.082.105
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	139.920.899.851	184.169.291.735
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		90.766.542.288	184.169.291.735
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		49.154.357.563	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	4.661.488.894	5.272.020.985
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.129.426.287.305	1.748.427.224.721



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Phạm Viết Đạt
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.232.919.941.873	4.640.055.452.960
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.056.768.753	7.725.039.673
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.231.863.173.120	4.632.330.413.287
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	5.002.858.789.484	4.443.295.212.875
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		229.004.383.636	189.035.200.412
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	12.537.797.187	130.878.676.234
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	88.047.372.712	69.803.443.909
Trong đó: chi phí lãi vay	23		87.547.059.090	70.083.672.217
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	47.687.929.988	40.400.786.364
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	53.114.728.007	46.924.145.422
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.692.150.116	162.785.500.951
12. Thu nhập khác	31	VI.8	7.803.373.089	9.043.065.027
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.477.704.045	2.911.258.215
14. Lợi nhuận khác	40		4.325.669.044	6.131.806.812
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.017.819.160	168.917.307.763
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	14.039.238.619	35.687.288.529
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	81.202.422	(85.629.362)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.897.378.119	133.315.648.596
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		49.154.357.563	135.672.372.612
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(6.256.979.444)	(2.356.724.016)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.023	2.829
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.023	2.829

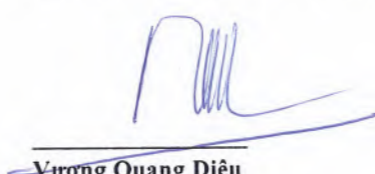
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Phạm Viết Đạt
Kế toán trưởng



Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		57.017.819.160	168.917.307.763
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10; V.11; V.12	8.861.667.195	8.552.455.746
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.7	(1.169.686.900)	(23.006.411.771)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(224.148.784)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.8	(2.191.690.528)	(129.000.476.122)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	87.547.059.090	70.083.672.217
- Các khoản điều chỉnh khác	07		331.070.623	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		150.172.089.856	95.546.547.833
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(273.646.779.465)	(46.666.117.079)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(181.110.701.614)	214.369.658.238
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		180.705.858.672	(153.073.859.075)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(401.209.982)	(6.809.485.020)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18; VI.5	(87.455.271.362)	(70.235.216.199)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(15.553.437.688)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21	121.125.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(20.526.706.188)	(16.525.737.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(247.695.032.770)	16.605.791.125
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(784.954.546)	(1.168.585.326)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9; VI.8	665.636.363	193.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(5.000.000.000)	(6.750.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(120.496.100.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	119.309.705.098
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.4	1.581.062.207	128.955.626.981
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.538.255.976)	120.043.646.753

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	3.675.999.174.651	3.463.941.754.213
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(3.476.971.902.513)	(3.507.563.101.019)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(221.535.576)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(17.124.553.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		181.681.183.562	(43.621.346.806)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(69.552.105.184)	93.028.091.072
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	130.079.758.653	37.051.667.581
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		37.296.953	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	60.564.950.422	130.079.758.653

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Phạm Viết Đạt
Kế toán trưởng



Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay của Tập đoàn có sự gia tăng so với năm trước chủ yếu là do doanh thu bán hàng cho các khách hàng lớn tăng mạnh và khai thác thêm nhiều khách hàng mới. Tuy nhiên, do năm trước công ty mẹ có phát sinh khoản lãi do thanh lý các khoản đầu tư nên lợi nhuận năm nay giảm đi đáng kể so với năm trước.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và các công ty con công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	Số 3, Đường 3 tháng 2, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn sản phẩm, thực phẩm công nghệ	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168	Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Phân phối si ngành hàng điện máy	93,75%	75%	93,75%	75%
Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam	Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Phát triển dịch vụ liên quan đến giáo dục	68%	68%	68%	68%
Công ty Cổ phần Nahaviwel	Số 2/41 Phạm Văn Bạch, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn các loại máy móc, thiết bị và phụ tùng công nghiệp	65%	65%	65%	65%

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của năm trước trước so sánh được với số liệu của năm này.
8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 156 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 135 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ và chi phí quảng cáo và phí chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo

Chi phí quảng cáo được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Phí chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng

Phí chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng đã trả cho quyền thuê mặt bằng đang sử dụng. Phí chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (72 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải	03 – 06
Thiết bị văn phòng	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng là các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra phục vụ giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng. Chi phí san lấp mặt bằng gắn với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 25 năm.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Các Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Các Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Các Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Các Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm này mới phát sinh chiết khấu thương mại, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm này.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	246.514.853	325.882.190
Tiền gửi ngân hàng	28.494.088.439	113.691.876.463
Các khoản tương đương tiền (*)	31.824.347.130	16.062.000.000
Cộng	<u>60.564.950.422</u>	<u>130.079.758.653</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành trị giá 13.507.347.130 VND, tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trị giá 11.045.000.000 VND và tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trị giá 7.272.000.000 VND tại ngày kết thúc đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Trái phiếu	-	-	6.750.000.000	6.750.000.000
Dài hạn				
Trái phiếu	11.750.000.000	11.750.000.000	-	-
Cộng	11.750.000.000	11.750.000.000	6.750.000.000	6.750.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Vũng Tàu ⁽ⁱ⁾	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nahaviwel Miền Bắc	496.100.000	-	-	496.100.000	-	-
Cộng	120.496.100.000	-	-	120.496.100.000	-	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502401667 ngày 26 tháng 7 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển nhà Vũng Tàu 120.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	19.783.533.491	5.197.268.475
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa	19.783.533.491	5.197.268.475
Phải thu các khách hàng khác	611.045.610.577	416.551.187.130
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh	83.467.250.545	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Nhật Kim	48.050.684.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại An Môn STL	43.736.839.258	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	42.034.456.292	184.802.106.774
Công ty TNHH Việt Quang	39.787.902.388	40.171.005.071
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Điện và Kinh doanh Vật tư 621	35.298.108.637	-
Công ty TNHH Thương mại Navico Sài Gòn	19.950.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Metro Star	13.089.579.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Kinh doanh Vật tư An Thịnh	11.667.565.000	34.007.674.600
Các khách hàng khác	273.963.225.457	157.570.400.685
Cộng	630.829.144.068	421.748.455.605

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	262.425.000	50.952.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa	136.669.000	50.952.000
Ông Lê Đức Hoàng Long - Chi hộ	125.756.000	-
Trả trước cho người bán khác	63.487.471.876	75.021.545.900
Chi nhánh Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên Tại Bình Dương	28.688.390.170	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại SBD	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Trương Hoàng Phúc.	6.600.000.000	-
Bà Dương Thụy Kim Ngân ^(*)	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Cenco	897.853.000	397.853.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhất Trần	161.066.498	10.822.365.968
Bà Thái Thị Thu Trâm	-	36.600.000.000
Bà Trần Thị Minh Trang	-	20.000.000.000
Công ty TNHH CTC Vina	-	342.451.200
Các khách hàng khác	7.140.162.208	6.858.875.732
Cộng	63.749.896.876	75.072.497.900

(*) Khoản trả trước tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Xã Bông Trang, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	81.528.290.000	-	-	-
Ông Nguyễn Quang Hòa – Tạm ứng (i)	12.603.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Quang Hòa - Phải thu khác	1.446.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Minh Thư - Đặt cọc mua quyền sử dụng đất (ii)	5.300.000.000	-	-	-
Ông Lê Đức Hoàng Long - Tạm ứng	444.890.000	-	-	-
Bà Trần Thị Minh Trang - Đặt cọc mua quyền sử dụng đất (ii)	47.000.000.000	-	-	-
Bà Trần Thị Minh Trang - Phải thu khác	4.174.400.000	-	-	-
Bà Trần Duy Kiều - Đặt cọc mua quyền sử dụng đất (ii)	10.300.000.000	-	-	-
Bà Trần Duy Kiều - Tạm ứng	260.000.000	-	-	-

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	96.107.613.541		110.326.236.911	-
Phải thu người lao động	877.753.260	-	589.967.084	-
Lãi dự thu	354.659.077		26.224.072	
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh - Góp vốn hợp tác kinh doanh	-	-	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Ozone Xanh – Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn	-	-	55.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	606.350.000	-	20.350.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn	-	-	3.626.581.114	-
Bà Vương Thanh Thảo - Ký quỹ mua cổ phần (iii)	44.500.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Tân Nhã Vinh - Hợp tác đầu tư (iv)	20.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Đất nền Hạnh Phúc - Ký quỹ mua cổ phần (v)	12.636.000.000	-	-	-
Các khoản Phải thu ngắn hạn khác	17.132.851.204	-	1.063.114.641	-
Cộng	177.635.903.541	-	110.326.236.911	-

- (i) Khoản tạm ứng cho Ông Nguyễn Quang Hòa để phát triển dự án Khu dân cư Công nghiệp Phước Bình, Xã Phước Bình, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
- (ii) Khoản tạm ứng tiền mua quyền sử dụng đất của dự án Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- (iii) Tiền đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Ozon Xanh theo hợp đồng đặt cọc và hứa chuyển nhượng cổ phần ngày 25 tháng 3 năm 2020 để sở hữu 100% vốn của công ty này với tổng giá trị chuyển nhượng là 74.900.000.000 VND thời gian cam kết hoàn tất chậm nhất đến ngày 31 tháng 3 năm 2021.
- (iv) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2020/HĐHTDT-TNV ngày 26 tháng 2 năm 2020, Công ty hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Tân Nhã Vinh khai thác dự án Khu nhà ở Tân Nhã Vinh tại Phường Thới An, Quận 12, TP Hồ Chí Minh với tổng giá trị đầu tư 48.000.000.000 VND và thanh toán theo tiến độ của hợp đồng
- (v) Tiền đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Đất nền Hạnh Phúc theo hợp đồng số 06.01/2020/HĐNHTHT/HP-168 ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc mua 25% cổ phần tại công ty với giá trị tương ứng là 49.028.250.000 VND.

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
DNTN Sản xuất và Thương mại Thanh Nhân	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	58.999.356	29.499.678	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Tú Linh	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	58.799.950	29.399.975	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Toàn Mỹ	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	53.903.503	26.951.752	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại So Ho Nữ Ước	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.200.430.167	840.301.117	-	-
Phải thu tổ chức và cá nhân khác	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	513.674.659	359.572.261	-	-
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	296.031.660	148.015.830	-	-
Cộng		2.181.839.295	1.433.740.613	-	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	748.098.682	-
Số cuối năm	748.098.682	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	39.517.226.128	-	18.448.048.256	-
Nguyên liệu, vật liệu	81.113.858.166	-	81.998.802.786	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.988.177.729	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	91.587.585	-	70.848.572	-
Hàng hóa (*)	804.294.339.682	(583.698.211)	642.879.775.486	(2.501.483.793)
Hàng gửi đi bán	1.673.947.882	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	194.605.000	-
Cộng	926.690.959.443	(583.698.211)	745.580.257.829	(2.501.483.793)

- (*) Số dư cuối năm bao gồm hàng hóa bất động sản trị giá 65.224.062.854 VND. Theo Hợp đồng mua bán căn hộ, trong năm Công ty đã mua 06 căn hộ thuộc Dự án Léman Luxury Apartments của Công ty Cổ phần C.T- Phương Nam và đã thanh toán 95% giá trị căn hộ. Công ty cũng đã ký Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ này cho Công ty Cổ phần Quốc tế C&T (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Liên Hiệp Quốc).

Một số hàng hóa tồn kho cuối năm với giá trị lần lượt theo tỷ lệ là 150%/dư nợ vay và 135%/dư nợ vay đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành (xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.501.483.793	25.507.895.564
Trích lập dự phòng bổ sung	461.309.491	122.388.720
Hoàn nhập dự phòng	(2.379.095.073)	(23.128.800.491)
Số cuối năm	583.698.211	2.501.483.793

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí môi giới	-	640.097.536
Chi phí thuê văn phòng	105.119.000	122.335.000
Chi phí thi công, sửa chữa	185.312.122	319.838.232
Công cụ, dụng cụ	461.248.374	343.128.217
Phí Upas LC	300.113.546	638.779.722
Chi phí đồng phục	296.651.667	-
Chi phí quảng cáo	-	427.634.498
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	384.975.816	197.847.925
Cộng	1.733.420.525	2.689.661.129

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	4.295.789.082	3.771.311.376
Công cụ, dụng cụ	696.722.142	604.600.457
Phí chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng	1.291.666.670	-
Chi phí dịch vụ Smart Cloud	-	44.215.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	55.916.666	562.517.141
Cộng	6.340.094.560	4.982.643.974

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	14.778.328.727	18.313.617.400	10.939.173.232	139.598.190	62.565.250	44.233.282.799
Mua sắm TSCĐ trong năm	-	-	734.954.546	-	50.000.000	784.954.546
Thanh lý TSCĐ	-	-	(1.425.747.400)	-	-	(1.425.747.400)
Số cuối năm	14.778.328.727	18.313.617.400	10.248.380.378	139.598.190	112.565.250	43.592.489.945
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.463.982.854	4.405.145.882	2.633.517.286	55.778.000	30.065.250	11.588.489.272
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	7.671.249.598	13.864.595.576	6.027.105.342	57.256.930	31.073.315	27.651.280.761
Khấu hao trong năm	827.980.332	2.060.428.332	1.367.582.164	5.980.020	25.105.368	4.287.076.216
Thanh lý TSCĐ	-	-	(1.042.304.353)	-	-	(1.042.304.353)
Số cuối năm	8.499.229.930	15.925.023.908	6.352.383.153	63.236.950	56.178.683	30.896.052.624

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.107.079.129	4.485.001.824	4.912.067.890	46.361.260	31.491.935	16.582.002.0
Số cuối năm	6.279.098.797	2.424.573.492	3.895.997.225	40.381.240	56.386.567	12.696.437.3
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.138.297.829 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty bao gồm phương tiện vận tải, truyền dẫn chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Thuê tài chính trong năm	2.026.177.582	-	-
Khấu hao trong năm	-	225.130.844	-
Số cuối năm	2.026.177.582	225.130.844	1.801.046.738

Theo hợp đồng thuê tài sản số B20080971 ngày 10 tháng 8 năm 2020, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí san lấp mặt bằng	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	25.255.147.500	2.620.320.917	670.531.500	28.545.999.917
Số cuối năm	25.255.147.500	2.620.320.917	670.531.500	28.545.999.917
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	351.000.000	351.000.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	960.706.605	340.999.989	1.301.706.594
Khấu hao trong năm	-	-	116.510.511	116.510.511
Số cuối năm	-	960.706.605	457.510.500	1.418.217.105
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	25.255.147.500	1.659.614.312	329.531.511	27.244.293.323
Số cuối năm	25.255.147.500	1.659.614.312	213.021.000	27.127.782.812
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 25.255.147.500 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20a).

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn chỉ bao gồm cơ sở hạ tầng cho thuê, chi tiết như sau

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	106.202.325.022	28.298.335.667	77.903.989.355
Khấu hao trong năm		4.232.949.624	
Số cuối năm	106.202.325.022	32.531.285.291	73.671.039.731

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà, Số 451- 453 Nguyễn Tri Phương	141.035.215	141.035.215	-
Nhà, Số 01 - 03 Ngô Gia Tự	225.346.533	182.155.088	43.191.445
Nhà, Số 355 - 365 Ngô Gia Tự	1.090.075.017	737.859.714	352.215.303
Nhà, Số 192 - 198 Ngô Gia Tự	523.520.568	423.179.227	100.341.341
Nhà, Số 07 - 09 Lý Thái Tổ	59.117.794	59.117.794	-
Văn phòng làm việc, Số 355 Ngô Gia Tự	291.231.724	197.131.449	94.100.275
Văn phòng làm việc, Số 192 - 198 Ngô Gia Tự	1.627.213.182	1.588.008.790	39.204.392
Văn phòng làm việc, Số 451-453 Nguyễn Tri Phương	178.431.190	178.431.190	-
Tòa nhà cao ốc văn phòng, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự	22.794.709.320	9.341.062.504	13.453.646.816
Cửa hàng Kinh doanh và Văn phòng, Số 277B Cách mạng tháng 8	79.271.644.479	19.683.304.320	59.588.340.159
Cộng	106.202.325.022	32.531.285.291	73.671.039.731

Toàn bộ bất động sản đầu tư đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất chi tiết phát sinh. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	178.119.008	92.489.646
Phát sinh trong năm	96.916.585	178.119.008
Hoàn nhập trong năm	(178.119.007)	(92.489.646)
Số cuối năm	96.916.586	178.119.008

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty TNHH Marubeni - Itochu Steel Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	185.553.831.317	41.972.149.725
Marubeni - Itochu Steel Inc.	27.654.220.753	-
Cheongfuli (Hongkong) Company, Ltd	-	10.144.401.300
Silvery Dragon Group Technology And Trading Co., Ltd Tianjin	-	7.832.630.027
Công ty TNHH Giao nhận hàng Quốc Tế	34.789.195	1.255.484.000
Phải trả cho các đối tượng khác	55.067.998.103	26.909.822.775
Cộng	268.310.839.368	88.114.487.827

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần sản xuất và thương mại thép Nguyễn Minh	-	18.631.458.069
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Liên Hiệp Quốc (*)	36.497.392.697	-
Ông Nguyễn Thái	30.000.000.000	-
Các khách hàng khác	3.317.208.849	700.598.521
Cộng	69.814.601.546	19.332.056.590

(*) Khoản trả trước tiền chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ thuộc Dự án Léman Luxury Apartments (xem thuyết minh số V.7).

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Truy thu	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	544.093.070	-	3.327.944.617	2.180.000	(3.441.167.465)	433.050.222	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	19.775.018.194	-	(19.775.018.194)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	271.218.960	-	1.573.703.645	-	(1.844.922.605)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.854.563.875	849.080.400	14.039.238.619	49.852.323	(15.553.437.688)	3.390.217.129	849.080.400
Thuế thu nhập cá nhân	285.555.826	-	4.093.541.914	-	(3.712.591.719)	707.506.021	-
Tiền thuê đất	-	-	707.328.328	-	(707.328.328)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	78.575.654	-	(78.575.654)	-	-
Cộng	5.955.431.731	849.080.400	43.595.350.971	52.032.323	(45.113.041.653)	4.530.773.372	849.080.400

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu	0%
- Doanh thu trong nước	05%
- Hàng hóa tiêu thụ nội địa và dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
Tại Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam	14.039.238.619	35.505.822.593
Tại Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	-	181.465.936
Cộng	14.039.238.619	35.687.288.529

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho công nhân viên.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.487.524.575	1.395.736.847
Chi phí hoa hồng môi giới	1.972.994.450	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	600.969.211	492.542.261
Cộng	4.061.488.236	1.888.279.108

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	1.300.000.000	-
Ông Lê Đức Hoàng Long - Nhận chờ góp vốn	1.300.000.000	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	19.280.755.467	80.308.074.618
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.732.732.000	1.026.245.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành - Bảo lãnh thanh toán	-	76.295.004.640
Tiền nhận chờ góp vốn	1.000.000.000	2.300.000.000
Bà Trần Thị Minh Trang	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận hàng quốc tế	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại So Ho Nữ Ước	2.636.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	912.023.467	686.824.978
Cộng	20.580.755.467	80.308.074.618

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	38.000.000.000	38.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa - Nhận ký quỹ dài hạn	38.000.000.000	38.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	8.899.739.000	8.461.181.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.899.739.000	8.461.181.000
Cộng	46.899.739.000	46.461.181.000

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.103.844.376.208	922.297.479.070
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	384.287.140.355	400.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	348.272.145.685	342.219.677.804
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	120.214.602.831	129.360.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành ^(iv)	163.902.880.774	50.717.801.266
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội ^(v)	73.332.000.000	-
Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ^(vi)	8.232.667.963	-
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 ^(vii)	5.602.938.600	-
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(viii)	27.110.000.000	3.016.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	5.144.000.000	7.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	664.606.728	-
Cộng	1.136.762.982.936	932.313.479.070

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11); bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.12) và 15 quyền sử dụng đất của Bà Trần Thị Minh Trang – thành viên HĐQT Công ty với tổng diện tích 80.959,40 m² tại Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (xem thuyết minh số VII.2a).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9), bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.12).

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và phát hành L/C với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1) và hàng tồn kho luân chuyển là sắt thép các loại giá trị tối thiểu 150% dư nợ vay và tương đương vay (xem thuyết minh số V.7).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1) và hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn tài trợ của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.7).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 19 lô đất tại Khu đô thị công nghệ FPT, Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu của Ông Lê Hoài An trị giá 42.450.000.000 VND (xem thuyết minh số VII.2a).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 để thanh toán tiền hàng với lãi suất thả nổi, thời hạn vay tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay này được bảo lãnh theo từng lần vay cụ thể.
- (viii) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân khác để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 1,125%/tháng, thời hạn vay 06 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	922.297.479.070	3.634.603.774.651	-	(3.453.056.877.513)	1.103.844.376.208
Vay ngắn hạn cá nhân	3.016.000.000	40.907.900.000	-	(16.813.900.000)	27.110.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.000.000.000	-	5.190.500.000	(7.046.500.000)	5.144.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	886.142.304	(221.535.576)	664.606.728
Cộng	932.313.479.070	3.675.511.674.651	6.076.642.304	(3.477.138.813.089)	1.136.762.982.936

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	676.375.000	5.434.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh	-	5.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	294.500.000	434.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 ⁽ⁱⁱ⁾	381.875.000	-
Nợ thuê tài chính ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.107.677.878	-
Cộng	1.784.052.878	5.434.000.000

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn để thanh toán tiền mua xe Hyundai Kona biển kiểm soát 51H-118.57, với lãi suất 8,9%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe Hyundai Kona biển kiểm soát 51H-118.57.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô con nhãn hiệu Ford, số loại Ford XLS 4X2 AT - 2.2L - 5 chỗ với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 05 /năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 12 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe tải pickup cabin kép nhãn hiệu ford, biển số 51D-669.76.
- (iii) Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease để mua xe ô tô.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	5.820.375.000	5.144.000.000	676.375.000	-
Nợ thuê tài chính	1.772.284.606	664.606.728	1.107.677.878	-
Cộng	7.592.659.606	5.808.606.728	1.784.052.878	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	12.434.000.000	7.000.000.000	5.434.000.000	-
Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Cộng	12.434.000.000	7.000.000.000	5.434.000.000	-

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	664.606.728	1.107.677.878	-	1.772.284.606
Lãi thuê phải trả	143.422.876	92.629.233	-	236.052.109
Nợ thuê tài chính phải trả	808.029.604	1.200.307.111	-	2.008.336.715
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	-	-	-	-
Lãi thuê phải trả	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính phải trả	-	-	-	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	5.434.000.000	487.500.000	(54.625.000)	(5.190.500.000)	676.375.000
Nợ thuê tài chính	-	1.993.820.182	-	(886.142.304)	1.107.677.878
Cộng	5.434.000.000	2.481.320.182	(54.625.000)	(6.076.642.304)	1.784.052.878

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	974.384.929	8.080.342.357	-	(7.323.096.405)	1.731.630.881
Quỹ phúc lợi	1.217.611.788	8.080.342.356	121.125.000	(6.106.313.230)	3.312.765.914
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(5.818.577.831)	8.080.342.357	-	(7.097.296.553)	(4.835.532.027)
Cộng	(3.626.581.114)	24.241.027.070	121.125.000	(20.526.706.188)	208.864.768

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn công ty mẹ đầu năm được trình bày ở chỉ khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác” (xem thuyết minh số V.5a).

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Trong năm Công ty mẹ đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 15% (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần được nhận 15 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 20 tháng 6 năm 2020. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 51.368.240.000 VND. Ngày 06 tháng 11 năm 2020, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 397.308.840.000 VND.

22b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.730.884	34.594.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.730.884	34.594.060
- Cổ phiếu phổ thông	39.730.884	34.594.060
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(344.954)	(344.954)
- Cổ phiếu phổ thông	(344.954)	(344.954)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.385.930	34.249.106
- Cổ phiếu phổ thông	39.385.930	34.249.106
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 20 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 24.241.027.070
- Trích Quỹ tham gia công tác xã hội	: 1.000.000.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	11.737.200.000	7.413.120.000
Trên 01 năm đến 05 năm	46.900.917.123	29.652.480.000
Trên 05 năm	20.702.946.575	29.343.600.000
Cộng	79.341.063.698	66.409.200.000

23b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 17.321,85 USD (số đầu năm là 204.580,39 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	5.152.840.987.223	4.466.803.601.768
Doanh thu bán thành phẩm	18.194.273.915	117.073.303.131
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	50.435.647.662	38.408.713.491
Doanh thu hợp tác kinh doanh	3.000.000.000	11.000.000.000
Doanh thu dịch vụ khác	8.449.033.073	6.769.834.570
Cộng	5.232.919.941.873	4.640.055.452.960

Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	50.435.647.662	38.820.331.671
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	(17.152.020.438)	13.448.636.312
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	33.283.627.224	25.371.695.359

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng hóa	14.284.746.183	14.672.393.964
Cho thuê bất động sản đầu tư	15.151.200.000	14.182.363.634

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	379.600.646	487.357.495
Hàng bán bị trả lại	669.526.699	7.237.682.178
Giảm giá hàng bán	7.641.408	-
Cộng	<u>1.056.768.753</u>	<u>7.725.039.673</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.961.585.069.751	4.338.868.175.787
Giá vốn của thành phẩm đã bán	16.642.160.400	110.827.366.494
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	17.152.020.438	13.448.636.312
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	9.397.324.477	3.157.446.053
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.917.785.582)	(23.006.411.771)
Cộng	<u>5.002.858.789.484</u>	<u>4.443.295.212.875</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.505.870.637	1.297.140.495
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	43.413.991	185.892.949
Lãi đầu tư trái phiếu	403.626.575	-
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	-	125.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.684.710.558
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.091.784.800	1.088.107.674
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	224.148.784	35.261.355
Lãi bán hàng trả chậm	9.268.952.400	587.563.203
Cộng	<u>12.537.797.187</u>	<u>130.878.676.234</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	87.547.059.090	70.083.672.217
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	380.344.929	110.066.594
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính công ty liên kết	-	(390.294.902)
Lãi mua hàng trả chậm	119.968.693	-
Cộng	<u>88.047.372.712</u>	<u>69.803.443.909</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.016.715.014	11.766.144.358
Chi phí vật liệu, bao bì	590.812.441	707.777.679
Chi phí đồ dung văn phòng	459.880.172	155.291.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	982.409.276	341.624.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.039.515.483	21.746.937.448
- Chi phí tiện ích	525.159.260	227.471.154
- Chi phí thuê kho, bảo trì	4.508.494.940	4.732.178.908
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	262.181.331	262.823.947
- Chi phí nhận hàng tự doanh	15.491.482.682	11.779.298.254
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	252.197.270	4.745.165.185
Chi phí khác	11.598.597.602	5.683.011.064
Cộng	<u>47.687.929.988</u>	<u>40.400.786.364</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	30.646.213.233	29.044.132.277
Chi phí vật liệu, bao bì	1.159.201.122	621.586.932
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.594.252.114	1.307.802.585
Dự phòng phải thu khó đòi	748.098.682	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.756.343.466	10.263.747.870
Các chi phí khác	8.210.619.390	5.686.875.758
Cộng	<u>53.114.728.007</u>	<u>46.924.145.422</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	282.193.316	18.625.069
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.494.785.892	8.601.982.604
Phí vận chuyển, bảo hiểm	823.627.514	-
Thu nhập khác	1.202.766.367	422.457.354
Cộng	<u>7.803.373.089</u>	<u>9.043.065.027</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính	15.586.465	2.475.532.210
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.121.711.670	-
Chi phí khác	1.340.405.910	435.726.005
Cộng	<u>3.477.704.045</u>	<u>2.911.258.215</u>

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Cổ đông Công ty mẹ	49.154.357.563	135.672.372.612
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.847.784.361)	(24.241.027.070)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	40.306.573.202	111.431.345.542
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	39.385.930	39.385.930
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.023	2.829

10b. Thông tin khác

Trong năm Công ty mẹ đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước cũng được điều chỉnh lại theo số thực tế. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.642 VND xuống còn 2.829 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	45.097.600.916	41.107.283.377
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	96.043.466.547	203.081.421.337
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.871.689.922	8.552.455.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.946.220.530	43.000.808.368
Chi phí khác bằng tiền	35.513.549.629	21.038.102.903
Cộng	222.472.527.544	316.780.071.731

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	59.086.268.759	56.664.869.105
Trên 01 năm đến 05 năm	191.599.308.745	153.199.924.293
Trên 05 năm	218.368.318.667	177.526.481.818
Cộng	469.053.896.171	387.391.275.216

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) của Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Nguyễn Quang Hòa - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	600.000.000	600.000.000
Ông Vương Quang Diệu - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2.210.000.000	420.000.000	2.630.000.000
Ông Hồ Văn Tuyên - Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	-	600.000.000	600.000.000
Bà Trần Thị Minh Trang - Thành viên Hội đồng quản trị	-	360.000.000	360.000.000
Bà Trần Duy Kiều - Thành viên Hội đồng quản trị	-	360.000.000	360.000.000
Ông Nguyễn Trần Vinh - Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	-	240.000.000	240.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền - Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	-	200.000.000	200.000.000
Ông Vương Quang Hào - Phó Tổng Giám đốc	420.000.000	-	420.000.000
Ông Nguyễn Minh Thư - Phó Tổng Giám đốc	1.144.000.000	-	1.144.000.000
Ông Phạm Viết Đạt - Kế toán trưởng	1.046.181.818	-	1.046.181.818
Cộng	4.820.181.818	2.780.000.000	7.600.181.818

Năm trước

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Quang Hòa - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	600.000.000	600.000.000
Ông Vương Quang Diệu - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.520.000.000	510.000.000	2.030.000.000
Ông Hồ Văn Tuyên - Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	-	420.000.000	420.000.000
Bà Trần Thị Minh Trang - Thành viên Hội đồng quản trị	-	360.000.000	360.000.000
Bà Trần Duy Kiều - Thành viên Hội đồng quản trị	-	360.000.000	360.000.000
Ông Nguyễn Trần Vinh - Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	-	240.000.000	240.000.000
Ông Vương Quang Hào - Phó Tổng Giám đốc	790.000.000	-	790.000.000
Ông Nguyễn Minh Thư - Phó Tổng Giám đốc	746.000.000	-	746.000.000
Ông Đoàn Hải Nam - Phó Tổng Giám đốc	540.000.000	-	540.000.000
Ông Phạm Viết Đạt - Kế toán trưởng	351.000.000	-	351.000.000
Bà Phạm Thị Đăng Thơ - Kế toán trưởng	120.000.000	-	120.000.000
Cộng	4.067.000.000	2.490.000.000	6.557.000.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa Công ty cùng thành viên Hội đồng quản trị.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.19b.


Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.


3. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là kinh doanh thương mại, mua bán sắt thép (chiếm 98,87% doanh thu Tập đoàn) và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu


Phạm Viết Đạt
Kế toán trưởng


Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc




TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	301.272.960.000	4.144.353.637	(11.978.525.300)	34.447.792.663	104.798.610.728	9.744.268.288	442.429.460.016
Tăng vốn từ lợi nhuận trong năm	44.667.640.000	-	-	-	(44.667.640.000)	6.900.000.000	6.900.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	135.672.372.612	(2.356.724.016)	133.315.648.596
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(10.934.051.605)	-	(10.934.051.605)
Chi quỹ	-	-	-	(2.684.710.558)	-	(2.579.427.791)	(5.264.138.349)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong năm	-	-	-	-	(700.000.000)	-	(700.000.000)
Chi phát hành cổ phiếu	-	(110.000.000)	-	-	-	-	(110.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.548.945.998)	(5.548.945.998)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ cổ đông không	-	-	-	-	-	(887.149.498)	(887.149.498)
Số dư cuối năm trước	345.940.600.000	4.034.353.637	(11.978.525.300)	31.763.082.105	184.169.291.735	5.272.020.985	559.200.823.162
Số dư đầu năm nay	345.940.600.000	4.034.353.637	(11.978.525.300)	31.763.082.105	184.169.291.735	5.272.020.985	559.200.823.162
Tăng vốn trong năm	51.368.240.000	-	-	-	(51.368.240.000)	5.850.000.000	5.850.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	49.154.357.563	(6.256.979.444)	42.897.378.119
Trích lập các quỹ khen thưởng - phúc lợi	-	-	-	-	(24.241.027.070)	-	(24.241.027.070)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong năm	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(17.124.553.000)	-	(17.124.553.000)
Điều chỉnh tăng-giảm khác	-	-	-	-	331.070.623	(203.552.647)	127.517.976
Số dư cuối năm nay	397.308.840.000	4.034.353.637	(11.978.525.300)	31.763.082.105	139.920.899.851	4.661.488.894	565.710.139.187


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Phạm Viết Đạt
Kế toán trưởng


TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN QUANG HÒA